

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN

ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN TRUYỆN TRONG
SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC
(*BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG*)

Chủ nhiệm đề tài: VŨ HỒNG ĐĂNG
Lớp: D16TH2
Ngành: GIÁO DỤC TIỂU HỌC

NINH BÌNH, 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**ĐẶC ĐIỂM VĂN BẢN TRUYỆN TRONG
SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC
(*BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG*)**

Chủ nhiệm đề tài: VŨ HỒNG ĐĂNG

**Các thành viên: VŨ PHƯƠNG THẢO
NGUYỄN THỊ THU THỦY**

Lớp: D16TH2

Người hướng dẫn khoa học: ThS. ĐỖ THỊ BÍCH THỦY

Xác nhận của GV hướng dẫn

Chủ nhiệm đề tài

ThS. Đỗ Thị Bích Thủy

Vũ Hồng Đăng

NINH BÌNH, 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	1
2. Tính cấp thiết của đề tài.....	3
3. Mục tiêu nghiên cứu.....	4
4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài.....	4
5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài	4
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	4
Chương 1: ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CỦA VĂN BẢN TRUYỆN TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT LỚP 5.....	5
1.1. Giới thiệu, khái quát các văn bản truyện trong sách giáo khoa.....	5
Tiếng Việt lớp 5	5
1.1.1. Số lượng và sự phân bố	5
1.1.2. Thể loại	7
1.1.3. Đội ngũ sáng tác	8
1.2. Đặc điểm, nội dung của văn bản truyện trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5	9
1.2.1. Thế giới tuổi thơ	9
1.2.2. Thiên nhiên kì thú.....	15
1.2.3. Trên con đường học tập	18
1.2.4. Nghệ thuật muôn màu.....	23
1.2.5. Vẻ đẹp cuộc sống	25
1.2.6. Hương sắc trăm miền.....	29
1.2.7. Tiếp bước cha ông.....	32
1.2.8. Thế giới của chúng ta	34
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1	36
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CỦA VĂN BẢN TRUYỆN TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT LỚP 5.....	37
2.1. Cốt truyện.....	37
2.1.1. Cốt truyện có tình tiết đơn giản, dễ hiểu	37
2.1.2. Cốt truyện tuyến tính	39

2.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật	41
2.2.1. Xây dựng nhân vật qua miêu tả ngoại hình	41
2.2.2. Xây dựng nhân vật qua khắc họa hành động, tính cách.....	43
2.3. Giọng điệu.....	45
2.3.1. Giọng điệu thủ thỉ, thân tình	46
2.3.2. Giọng điệu ngây thơ, hồn nhiên.....	48
2.4. Ngôn ngữ truyện.....	51
2.4.1. Ngôn ngữ gần gũi, tự nhiên	52
2.4.2. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, âm thanh	54
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2.....	59
KẾT LUẬN.....	60
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	61
PHỤ LỤC	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Tên bảng	Trang
Bảng 1.1. Thống kê, phân loại VB truyện theo từng chủ đề SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS)	5
Bảng 1.2. Sự phân bố các VB truyện Việt Nam và VB truyện nước ngoài	6
Bảng 1.3. Số lượng và tỉ lệ các thể loại VB truyện	7

BẢNG KÝ HIỆU VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa
1	HS	HS
2	SGK	Sách giáo khoa
3	VB	Văn bản
4	KNTTVCS	Kết nối tri thức với cuộc sống

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

VB văn học trong chương trình SGK Tiếng Việt Tiểu học được lựa chọn kỹ càng không chỉ đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông tổng thể trong việc hình thành các năng lực, phẩm chất cần thiết cho HS Tiểu học mà còn chứa đựng những giá trị nghệ thuật hấp dẫn riêng của thể loại. Bên cạnh các VB thơ, VB thông tin, VB kịch thì VB truyện chiếm một số lượng khá lớn. Đã có nhiều công trình nghiên cứu tìm hiểu về tác phẩm văn học trong chương trình Tiếng Việt Tiểu học.

Tác giả Dương Thu Hương trong cuốn *“Giáo trình Cảm thụ văn học”* đã khái quát mối quan hệ giữa đọc hiểu và cảm thụ văn học, tiền đề của quá trình cảm thụ văn học. Tác giả đã đưa ra một số biện pháp bồi dưỡng năng lực cảm thụ văn học cho HS Tiểu học thông qua dạy học Tập đọc. Tác giả nhận định rằng: *“Chất văn chương của một câu chuyện bộc lộ ở cốt truyện với các nhân vật và sự việc của nó. Cốt truyện ấy phải phản ánh được một hiện tượng đời sống nào đó, “nói” với người đọc một thông điệp nào đó, các sự việc cũng như biểu hiện của nhân vật phải gây được xúc động cho người đọc, người nghe”* [5, tr.16].

Trong *“Giáo trình Văn học trẻ em”* tác giả Lã Thị Bắc Lý đã tập trung vào phân tích các thể loại văn học, đặc điểm của VB, đặc điểm các tác giả sáng tác cho thiếu nhi. Ngoài ra tác giả cho rằng: *“Ở mỗi dân tộc, văn học cho các em có những nét đặc sắc riêng, tuy nhiên, những tác phẩm đều gặp nhau ở một điểm là hướng về mục đích nhân văn, hướng tới cái thiện, cái đẹp trong cuộc sống”* [10, tr.5].

Tác giả Đỗ Ngọc Thông trong *“Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt Tiểu học”* đề cập một số vấn đề, phương pháp dạy học phát triển và kiểm tra đánh giá năng lực Tiếng Việt. Theo tác giả: *“HS sẽ giàu có về tâm hồn tình cảm biết xúc động trước những con người và việc làm tốt khi các em trực tiếp đọc và suy nghĩ và nếm trải các tình huống tương tự trong tác phẩm. Cũng từ đó HS biết trân trọng những tình cảm đẹp những việc làm tốt và biết*

ứng xử các hành vi hành động nhân văn trong cuộc sống hàng ngày” [6, tr.20].

Tác giả Trần Đức Ngôn trong *“Văn học thiếu nhi Việt Nam”* đề cập hai vấn đề lớn: văn học dân gian thiếu nhi, văn học viết cho thiếu nhi. Trong đó, cung cấp những kiến thức về các tác giả và các tác phẩm tiêu biểu của họ được đề cập trong chương trình Tiểu học.

Các tác giả Cao Đức Tiến, Dương Thị Hương *“Văn học”* - Giáo trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ Cao đẳng Sư phạm: đã đưa ra hệ thống kiến thức và kĩ năng cơ bản về Tiếng Việt, Văn học và Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở bậc Tiểu học.

Hoàng Thị Hồng Phương với cuốn *“Văn học nước ngoài trong chương trình tiếng Việt ở Tiểu học và ý nghĩa đối với HS”* đã nghiên cứu vai trò của VB nước ngoài trong việc giáo dục đạo đức và nhân cách HS . Bài viết chỉ ra rằng các VB nước ngoài giúp HS mở rộng tầm nhìn và hiểu biết về các giá trị văn hóa khác nhau.

Từ khi Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thay SGK các cấp theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, sinh viên trường Đại học Hoa Lư đã có một số đề tài nghiên cứu khoa học, khoá luận tốt nghiệp tìm hiểu về VB văn học trong chương trình Tiếng Việt Tiểu học như:

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa của Phạm Tiến Nam (Chủ nhiệm đề tài) *“Đặc điểm VB đọc trong SGK tiếng Việt lớp 2 (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)”* đã khái quát được những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của các VB đọc (VB nghệ thuật) trong SGK Tiếng Việt lớp 2 (Bộ sách KNTTVCS).

Trần Thị Lan Anh với khóa luận tốt nghiệp *“Giá trị nội dung và nghệ thuật của những truyện hay viết cho thiếu nhi - Phạm Hổ”* đã khái quát những giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện Phạm Hổ viết cho thiếu nhi. Qua đó cho thấy các sáng tác của ông có ảnh hưởng vô cùng to lớn đến tâm hồn của các bạn HS, đặc biệt là lứa tuổi HS Tiểu học.

Đề tài nghiên cứu khoa học của Cao Ngọc Anh (Chủ nhiệm đề tài) *“Giá trị nội dung và nghệ thuật của các VB truyện trong SGK Tiếng Việt 3 (Bộ sách KNTTVCS)”* đã khái quát về đặc điểm, cấu tạo và giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ trong các VB truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 3.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa của Vũ Thị Thanh Xuân (Chủ nhiệm đề tài) *“Tìm hiểu các biện pháp tu từ trong VB thơ của SGK Tiếng Việt Tiểu học (Bộ sách KNTTVCS)”* đã khái quát về đặc điểm, cấu tạo và giá trị biểu đạt của biện pháp tu từ trong các VB thơ - SGK Tiếng Việt lớp 3, lớp 4.

Các nghiên cứu trên đã cung cấp những kiến thức phong phú về đặc điểm các VB văn học trong SGK Tiếng Việt, tuy nhiên theo tìm hiểu của chúng tôi chưa có nghiên cứu nào tìm hiểu chi tiết, đầy đủ về đặc điểm VB truyện trong SGK Tiếng Việt Tiểu học (Bộ sách KNTTVCS). Vì vậy, chúng tôi tiếp tục kế thừa các kết quả nghiên cứu quý báu trên và triển khai nghiên cứu đề tài.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Trong chương trình giáo dục Tiểu học, môn Tiếng Việt đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển các kỹ năng ngôn ngữ và tư duy của HS giúp các em sử dụng Tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống cũng như học tập tốt các môn học và hoạt động giáo dục khác; hình thành, phát triển năng lực văn học, một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để HS phát triển về tâm hồn, nhân cách; nó giúp khơi dậy sự sáng tạo và tưởng tượng của mỗi HS.

Hiện nay, chương trình giáo dục phổ thông mới đã tuyển chọn nhiều VB mới trong các bộ sách, việc tìm hiểu sẽ giúp cho các giáo viên đặc biệt là những thế hệ giáo viên sắp ra trường có thể thích ứng nhanh và kịp được với chương trình đổi mới, nắm chắc, hiểu và dạy tốt được chương trình đổi mới đó. Với các VB truyện trong chương trình Tiểu học không chỉ góp phần bồi dưỡng tâm hồn, nâng cao năng lực cảm thụ cái đẹp tiếp thu dần những tri thức cần thiết trong cuộc sống mà còn giúp các em nhận thức tốt về văn học và cuộc sống, nhận biết các tín hiệu nghệ thuật, đánh giá và phân tích tác phẩm. Ngoài ra, các tác phẩm truyện giúp các em HS phát triển trí tuệ, khả năng giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và hoàn thiện nhân cách, các câu chuyện

giàu cảm xúc giúp HS phát triển tình cảm, biết đồng cảm, sẻ chia với những hoàn cảnh khác nhau, hướng các em đến chân - thiện - mỹ, những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. Khi tiếp nhận các VB truyện chính là việc đảm bảo mối quan hệ giữa tác giả - tác phẩm - bạn đọc.

Việc nghiên cứu đặc điểm VB truyện trong SGK Tiếng Việt Tiểu học có ý nghĩa thiết thực. Nghiên cứu này giúp GV hiểu sâu hơn về giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật của các VB truyện. Từ đó, góp phần nâng cao kỹ năng đọc hiểu và cảm thụ văn học cho HS. Đồng thời, giúp các em phát triển tư duy sáng tạo, khuyến khích các em khám phá các giá trị văn hóa, đạo đức và nhân văn sâu sắc.

Xuất phát từ những lí do trên, chúng tôi chọn đề tài: “*Đặc điểm VB truyện trong SGK Tiếng Việt Tiểu học (Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*” để nghiên cứu.

3. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài khái quát những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của các VB truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 5 ở Tiểu học. Đề tài khi hoàn thiện sẽ là nguồn tài liệu cho sinh viên và GV khi học tập, giảng dạy tại trường Tiểu học.

4. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đặc điểm VB truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách *KNTTVCS*).

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Các VB Truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách *KNTTVCS*), NXB Giáo dục Việt Nam, 2023.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận lý thuyết - ứng dụng

6.2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thống kê, phân loại: Thống kê và phân loại theo thể loại những VB truyện trong phần Đọc của SGK Tiếng Việt lớp 5.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phân tích các VB truyện sau đó khái quát về đặc điểm nội dung và nghệ thuật một cách hệ thống.

Chương 1

ĐẶC ĐIỂM NỘI DUNG CỦA VĂN BẢN TRUYỆN TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT LỚP 5

1.1. Giới thiệu, khái quát các văn bản truyện trong sách giáo khoa

Tiếng Việt lớp 5

1.1.1. Số lượng và sự phân bố

SGK TV lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) là tài liệu học tập quan trọng dành cho HS cuối cấp Tiểu học, giúp các em củng cố và phát triển toàn diện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Sách được biên soạn theo chương trình giáo dục phổ thông mới và được chia ra thành hai tập, mỗi tập chia thành các chủ đề gần gũi với cuộc sống của HS. Các bài đọc trong SGK được chọn lọc kĩ, có nhiều bài viết giàu cảm xúc, bồi dưỡng cho HS tình yêu đất nước, yêu thiên nhiên, yêu gia đình. Sách hướng đến hình thành năng lực sử dụng ngôn ngữ, cảm thụ văn học, linh hoạt trong ngôn ngữ hàng ngày. Bên cạnh đó, sách Tiếng Việt còn là nền tảng giúp các em học tập tốt các môn học khác.

Qua khảo sát của chúng tôi, có tất cả 24 VB truyện trong chương trình SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) và được sắp xếp theo 8 chủ đề.

Bảng 1.1. Thống kê, phân loại VB theo từng chủ đề SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS)

STT	Tập	Tên chủ đề	Số lượng VB	Văn học dân gian	Văn học hiện đại
1	Tập 1	Thế giới tuổi thơ	5	0	5
2		Thiên nhiên kì thú	4	0	4
3		Trên con đường học tập	4	0	4
4		Nghệ thuật muôn màu	3	1	2
5		Vẻ đẹp cuộc sống	4	1	3

6	Tập 2	Hương sắc trăm miền	2	0	2
7		Tiếp bước cha ông	1	0	1
8		Thế giới của chúng ta	1	0	1
Tổng		8 chủ đề	24	2	22

Các VB trong mỗi chủ đề có nội dung tương ứng với từng chủ đề, nội dung phong phú, đa dạng phù hợp với khả năng nhận thức, lứa tuổi HS lớp 5. Đồng thời các VB đọc giúp cho các em hình thành tình yêu văn học và phát triển các kỹ năng cơ bản đọc, viết, nói và nghe, trau dồi thêm vốn từ cho HS. Ngoài ra, các VB đọc bồi dưỡng cho HS tình yêu quê hương, đất nước, yêu thiên nhiên và biết ơn thế hệ cha anh đi trước. Nhờ đó, các VB truyện không chỉ giúp HS tiếp nhận tri thức mà còn là quá trình nuôi dưỡng tâm hồn và những tình cảm tốt đẹp cho các em. Nhà phê bình Văn học Hoài Thanh từng nhận định: “*Văn chương gây cho ta những tình cảm chưa có, luyện cho ta những tình cảm ta sẵn có*” [8]. Câu nói đó đã nhắc đến sứ mệnh cao cả của văn chương không chỉ là những tác phẩm thơ mà còn là những tác phẩm truyện. Mỗi tác phẩm như đưa con tinh thần của mỗi tác giả, họ gửi gắm tâm tư của mình vào những tác phẩm như một lời nhắn nhủ, một bài học đến người đọc. Một tác phẩm dù ngắn hay dài, dù cốt truyện đơn giản hay phức tạp cũng đem đến cho ta một bài học ý nghĩa, sâu sắc.

Bảng 1.2. Sự phân bố các VB truyện Việt Nam và VB truyện nước ngoài

	Số lượng	Tỉ lệ (%)
VB truyện Việt Nam	16	66,67
VB truyện nước ngoài	8	33,33
Tổng	24	100

Trong chương trình Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS), các VB nước ngoài chiếm tỉ lệ ít hơn so với VB truyện Việt Nam vì HS Tiểu học đang trong quá trình hình thành và hoàn thiện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Tuy nhiên, nội dung dạy học xuất hiện những VB nước ngoài sẽ giúp HS thêm hiểu biết về văn hóa, phong tục tập quán của nhiều dân tộc, đặc biệt là biết đến các danh nhân, tấm gương lớn trên thế giới. Nhà văn Nguyên Ngọc từng khẳng định: “*Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người*” [14]. Câu nói đó khẳng định vai trò lớn lao của các VB nghệ thuật luôn hướng người đọc đến các giá trị cao đẹp và hoàn thiện hơn, vươn tới chân - thiện - mỹ.

Các VB truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) có dung lượng vừa phải, phù hợp với khả năng nhận thức của HS lớp 5. Độ dài của VB khoảng 300 - 350 chữ vừa đủ để có thể trình bày rõ cốt truyện, nhân vật và thông điệp tác giả muốn truyền tải. Việc lựa chọn VB có độ dài hợp lí như vậy sẽ giúp các em rèn luyện được kĩ năng đọc đúng, đọc diễn cảm, đọc hiểu VB. Ngoài ra, dung lượng phù hợp sẽ làm cho các em hứng thú hơn với môn học, không gây nhàm chán. Đây cũng chính là yếu tố góp phần giúp môn Tiếng Việt trở nên hấp dẫn, hiệu quả đối với HS.

1.1.2. Thể loại

Bảng 1.3. Số lượng và tỉ lệ các thể loại VB truyện

	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Truyện ngắn	21	87,50
Truyện dân gian	2	8,33
Truyện khoa học viễn tưởng	1	4,17
Tổng	24	100

Ngoài việc sắp xếp các VB, bài học tương ứng với từng chủ đề, SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) còn quan tâm đến sự sắp xếp giữa các thể loại VB. Trong đó có 21 truyện ngắn chiếm tỉ lệ 87,50%, truyện dân gian có 2 VB chiếm 8,33% và truyện khoa học viễn tưởng có 1 VB chiếm 4,17%.

Như vậy, trong chương trình Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) có thể loại truyện ngắn chiếm số lượng lớn nhất và chủ yếu tập trung vào truyện ngắn hiện đại, rèn cho HS cách cảm thụ văn học, hiểu biết về con người với những tình huống quen thuộc, gần gũi với đời sống. Song, một số truyện dân gian góp phần giúp HS biết yêu quý kho tàng văn học Việt Nam và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Truyện khoa học viễn tưởng dù chiếm tỉ lệ nhỏ nhất nhưng mang lại sự mới mẻ, kích thích trí tư duy, sáng tạo của HS.

1.1.3. Đội ngũ sáng tác

Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxxt nhận định: *“Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới”* [20]. Nhận định đã khẳng định vai trò của nhà văn trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điều cốt yếu là nhà văn phải có cái nhìn mới mẻ, sáng tạo và có lối đi riêng của mình. Các VB truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 5 được viết bởi nhiều thế hệ tác giả khác nhau, mỗi người lại mang đến màu sắc riêng và tri thức mới lạ. Bao gồm thế hệ nhà văn dày dặn kinh nghiệm, nhiệt huyết và thế hệ trẻ đầy sáng tạo.

Thế hệ các tác giả mở đường cho văn học Việt Nam là những người có tuổi nghề lâu năm, nhiều cống hiến cho nền văn học. Các tác giả như Nguyễn Nhật Ánh, Nguyễn Trọng Tạo, Lê Khắc Hoan, Viêt Linh và Hà Ân đã góp phần hình thành nền tảng bền vững cho văn học Việt Nam. Sự cống hiến của họ không chỉ thể hiện qua số lượng tác phẩm mà còn ở tầm ảnh hưởng sâu rộng tới nhiều thế hệ người đọc. Trong đó, nhà văn Lê Khắc Hoan dành trọn nửa thế kỷ làm báo chuyên ngành giáo dục, còn Nguyễn Nhật Ánh với hơn một trăm tác phẩm dành cho tuổi thơ đã trở thành hiện tượng văn hóa đặc biệt. Nhà văn Nguyễn Phan Hách không chỉ là một cây bút văn học đã giành được nhiều giải thưởng văn học mà còn là tác giả duy nhất có 2 VB truyện xuất hiện trong SGK Tiếng Việt 5 tập 1: *“Kì diệu rừng xanh”* [1, tr.51] và *“Tập hát quan họ”* [1, tr.136].

Thế hệ cây bút trẻ mang theo nhiệt huyết và những đề tài sáng tạo. Nổi bật trong số đó là Văn Thành Lê, một cây bút tài năng đã dành nhiều trang viết cho thiếu nhi. Tác giả Lê Anh Vinh - một giáo sư toán học trẻ tuổi nhưng đồng thời cũng là một cây bút trẻ xuất sắc trong lĩnh vực văn học thiếu nhi, bộ sách “*Những đứa trẻ hạnh phúc*” do anh chủ biên và Bùi Thị Diễm viết lời đã đạt giải Khuyến khích tại Giải thưởng Sách Quốc gia lần thứ 6 (năm 2023). VB “*Cánh đồng hoa*” là đoạn trích thuộc tác phẩm cùng tên của bộ sách này. Ngoài ra, sự phát triển của văn học còn được củng cố bởi một loạt tác giả tài năng đã sớm đạt được những thành tựu nhất định: Nguyễn Chí Hoan (là một nhà văn, thầy giáo trẻ tuổi, đạt nhiều giải thưởng văn học), Nguyễn Thu Hằng,...

Bên cạnh đó còn có những cây bút nước ngoài như: Nhà văn Dun Dơ-rim người Hàn Quốc, Trương Chi Lộ nhà văn của Trung Quốc,... Họ góp phần mở mang tầm hiểu biết, giao lưu văn hóa cho độc giả nhỏ tuổi ở Việt Nam qua những tác phẩm có nội dung giá trị nhân văn sâu sắc. Nhờ vậy, kho tàng văn học thiếu nhi Việt Nam thêm phong phú, đa dạng.

1.2. Đặc điểm, nội dung của văn bản truyện trong sách giáo khoa Tiếng Việt lớp 5

1.2.1. Thế giới tuổi thơ

Mở đầu chương trình Tiếng Việt lớp 5 là chủ điểm “*Thế giới tuổi thơ*”. Chủ điểm nói về những kỉ niệm, trò chơi, hành động của các bạn nhỏ cùng với những cảm xúc chân thật, dí dỏm, ngộ nghĩnh. Qua các VB, người đọc có thể hình dung ra một bức tranh về thế giới của trẻ con thật phong phú và trong sáng, nơi mà các bạn nhỏ gửi gắm biết bao kỉ niệm. Chủ điểm gồm 6 VB truyện: *Thanh âm của gió* - Theo Văn Thành Lê; *Cánh đồng hoa* – Theo Lê Anh Vinh – Bùi Thị Diễm; *Bến sông tuổi thơ* – Theo Lê Văn Trường; *Ngôi sao sân cỏ* - Theo Lê Khắc Hoan; *Bộ sưu tập độc đáo* – Theo Trương Chi Lộ, Ngọc Khánh dịch); *Hành tinh kì lạ* - Theo Viêt Linh. Các VB thể hiện sự trong sáng, hồn nhiên và ngây thơ phù hợp với tâm hồn trẻ thơ. Những kỉ

niệm ấy tuy thật đơn giản nhưng sẽ là bước đệm đưa các bạn đến tương lai sáng phía trước.

VB thuộc chủ điểm này không chỉ tái hiện lại những ký ức tuổi thơ vô tư, thuần khiết mà còn giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp giản dị, ấm áp của lứa tuổi trẻ thơ với trò chơi đơn giản, đầy sáng tạo. Điều đó được thể hiện qua VB *“Thanh âm của gió”* của tác giả Văn Thành Lê [1, tr.8]. Hình ảnh buổi chiều được diễn tả qua đoạn văn: *“Suối nhỏ, nước trong vắt, nắng chiếu xuống đáy làm cát, sỏi ánh lên lấp lánh. Một bên suối là đồng cỏ rộng, tha hồ cho gió rong chơi. Thỉnh thoảng gió lại vút qua tai chúng tôi như đùa nghịch”* [1, tr.8]. Buổi chiều chăn trâu của các nhân vật tôi, Điệp, Văn và Bống hiện lên một bức tranh gần gũi và sinh động. Hình ảnh dòng suối nhỏ, trong vắt phản chiếu ánh nắng làm cho cát, sỏi lấp lánh tạo nên khung cảnh thật yên bình, mát lành. Từ ngữ miêu tả giàu sức gợi hình khiến cho độc giả dễ dàng tưởng tượng ra trước mặt không gian làng quê với những hình ảnh thân thuộc. Không chỉ dừng lại miêu tả con suối, tác giả mở rộng ra là cánh đồng - nơi *“cho gió tha hồ rong chơi”* [1, tr.8]. Nhà văn sử dụng phép nhân hóa *“gió tha hồ rong chơi”* khiến cho cảnh vật có hồn, gió trở thành người bạn thân thiết. Đặc biệt hơn, câu *“Thỉnh thoảng gió lại vút qua tai chúng tôi như đùa nghịch”* [1, tr.8] gợi ra cảm giác thân mật giữa con người với thiên nhiên. Gió không còn là một hiện tượng tự nhiên mà trở thành một người bạn ngộ nghĩnh làm khơi dậy những ký ức tuổi thơ. Các nhân vật trong VB phát hiện ra tiếng của gió như một phát hiện mới lạ: *“Đúng rồi, tớ cũng nghe thấy tiếng gió thổi hay lắm. – Điệp reo lên. Vừa nói, nó vừa lấy tay bịt hai tai rồi mở ra như Bống chỉ. Cả hội tụ lại, lần lượt đưa hai bàn tay lên bịt tai”* [1, tr.9]. Đoạn văn trên đã miêu tả lại khoảnh khắc vui chơi của các bạn nhỏ, câu nói: *“Đúng rồi, tớ cũng nghe thấy tiếng gió thổi hay lắm. - Điệp reo lên”* [1, tr.9] tiếng nói vang lên thể hiện sự vui vẻ, phấn khích khi bản thân sáng tạo ra những trò chơi mới lạ trong thiên nhiên. Hình ảnh *“Cả hội tụ lại, lần lượt đưa hai bàn tay lên bịt tai”* [1, tr.9] cho thấy sự gắn kết và chia sẻ niềm vui đơn giản với nhau. Tác giả đã khéo léo khi miêu tả hành động kết hợp với đối

thoại tạo nên một bức tranh đầy sức sống. Mỗi bạn lại cảm nhận được âm thanh khác nhau, rồi mãi mê cho đến khi chiều muộn. Câu chuyện cho ta biết được thế giới tuổi thơ của các bạn nhỏ thật giản dị và thơ mộng, cùng với đó là sự thích thú của các bạn nhỏ khi nghe thanh âm của gió và sự hồn nhiên của nhân vật “tôi” khi kể lại cho bố của mình.

Ngoài ra, khi đọc câu chuyện “*Bến sông tuổi thơ*” của tác giả Lê Văn Trường [1, tr.23], chúng ta như được sống lại quãng đời tuổi thơ thân thương của mình. Nơi sinh ra và lớn lên chính là nơi gắn bó với chúng ta biết bao nhiêu kỉ niệm. Đó là những hình ảnh hết sức quen thuộc như: dòng sông, hàng cây, những đặc sản của quê hương. VB “*Bến sông tuổi thơ*” là một dòng hồi ức đầy cảm xúc của nhân vật “tôi” với “*dòng sông êm đêm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng*” [1, tr.23]. Câu văn đã khắc họa bức tranh thiên nhiên của vùng sông nước đầy thơ mộng, trữ tình, một khung cảnh yên bình. Tác giả sử dụng từ láy “*êm đêm, lững lờ, nghiêng nghiêng*” làm cho dòng sông hiện lên mềm mại, uyển chuyển gợi một vẻ đẹp bình dị của làng quê. Tiếp đó là những kỉ niệm bên những người bạn của mình: “*bọn trẻ chúng tôi tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít. Chúng tôi thường lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rủ nhau hái những trái bần để ăn. Hôm nào lỡ tay cho nhiều ớt quá thì cả bọn vừa ăn vừa hít hà vì cay*” [1, tr.23]. Đoạn văn miêu tả lại bức tranh tuổi thơ hồn nhiên, trong sáng, hình ảnh bến sông trở thành nơi hội họp, nơi gắn kết bạn bè “*bọn trẻ chúng tôi tụ năm tụ bảy ở bến sông, vui đùa đủ các trò của tuổi con nít*” [1, tr.23]. Chi tiết “*lấy chén muối ớt hoặc chén mắm đồng rồi rủ nhau hái những trái bần để ăn*” [1, tr.23] gợi lên hình ảnh dân làm nhớ đến hương vị thân quen của tuổi thơ. Hay khi miêu tả về dòng sông của quê mình, dòng sông hiện lên với hình ảnh gần gũi, đầy thơ mộng: “*Chiều chiều, gió từ phía sông thổi về man mác, những bông hoa bần tím tím nở xòe, từng cánh hoa thi nhau rơi xuống rồi cuốn trôi theo dòng nước*” [1, tr.23]. Tác giả đã sử dụng nhiều từ láy “*Chiều chiều, man mác, tím tím*” để miêu tả một buổi chiều êm ả, dịu dàng của sự vật. Hình ảnh nhân hóa “*từng cánh hoa thi nhau rơi*

xuống” [1, tr.23] khiến cảnh vật trở nên dễ thương, biết vui chơi cùng dòng nước. Không chỉ dừng lại miêu tả cảnh vật, truyện thể hiện tình yêu quê hương qua đặc sản của quê mình: *“Trái bần chua cũng là đặc sản của quê tôi”* [1, tr.23]. Trái bần chua – nguyên liệu để nấu canh cá, nhân vật tôi rất tự hào khi kể về đặc sản quê mình và đối với tác giả quê hương chính là nơi để về, là cội nguồn nơi sinh ra của mỗi con người. *“Bến sông tuổi thơ”* không chỉ đơn giản kể lại dòng hồi ức mà còn là tâm tư, tình cảm của người cầm bút gửi gắm đến quê hương của mình: Hãy trân trọng nơi mình sinh ra bởi đó chính là nơi nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta lớn lên từng ngày, nơi mà chúng ta có biết bao nhiêu kỉ niệm.

Văn học ngoài chức năng thẩm mỹ, còn mang trong mình sứ mệnh cao cả đó chính là giáo dục, hướng con người đến những việc tốt, cách sống đẹp. VB *“Cánh đồng hoa”* của Lê Anh Vinh và Bùi Thị Diễm [1, tr.13] đã làm rõ điều đó. Câu chuyện kể về nhóm bạn gồm các nhân vật Ja Ka, Mư Hoa, Ja Prok và Mư Nhơ. Các bạn thường rủ nhau ra cánh đồng hoa đầu làng cùng vui chơi, tuy nhiên gần đây trên đồng cỏ xuất hiện bãi rác và lớn dần lên, bốc mùi khó chịu khiến cho những bạn nhỏ cảm thấy rất buồn: *“Cứ thế này, đồng cỏ sẽ thành bãi rác mất thôi! – Mư Nhơ thở dài. Mư Hoa quay mặt đi, giấu những giọt nước mắt: – Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi! Ja Ka, Ja Prok thì rầu rĩ: – Biết làm thế nào bây giờ?”* [1, tr.23]. Qua cuộc đối thoại của các nhân vật đã thể hiện lo lắng, buồn bã trước sự ô nhiễm của vườn hoa. Với tình trạng như vậy, mọi người cùng bàn tính quyết tâm cải tạo cánh đồng và được nhiều cô bác trong vùng hưởng ứng tích cực. Họ hồ hởi bắt tay vào dọn rác, xới đất, gieo hạt trồng cây; ngày ngày tưới nước, nhổ cỏ, bắt sâu,... khiến cho cánh đồng trở nên thật đẹp bởi các màu sắc của các loài hoa. Quả nhiên, không thấy ai đến đây đổ rác nữa. VB trên, ngoài việc giúp cho người đọc hồi tưởng lại những kỉ niệm thời thơ ấu, còn muốn truyền tải thông điệp giáo dục tới các bạn nhỏ: Hãy cùng nhau bảo vệ thiên nhiên và lan tỏa tình yêu thiên, yêu môi trường đến những người xung quanh. Đồng thời ca ngợi các bạn nhỏ đã biết cải tạo môi trường thêm xanh, sạch, đẹp.

Ở chủ đề này, chức năng giáo dục còn được thể hiện qua VB “*Ngôi sao sân cỏ*” của Lê Khắc Hoan [1, tr.31]. Tác phẩm thuật lại về một trận bóng đá giữa hai lớp với những diễn biến hấp dẫn và đầy kịch tính. Câu chuyện xoay quanh nhân vật Việt – một cầu thủ giỏi nhưng luôn giữ bóng cho riêng mình và thiếu tinh thần hợp tác với đồng đội. Trận bóng đầy kịch tính từ những phút đầu tiên: Việt cố không chuyền cho đồng đội của mình vì không muốn nhường ai cơ hội ghi bàn. Đến giữa trận, khi cả đội ngồi lại hội ý, Việt bức tức và ra khỏi sân. Ngồi một góc sân quan sát, khi thấy Vĩnh chậm nhịp không kịp chuyền cho Chiến làm lỡ cơ hội ghi bàn, Việt làu bàu nói: “*Giữ bo bo như thế làm gì chẳng lỡ*” [1, tr.32]. Nói xong, bất giác Việt nóng bừng mặt. Chính chi tiết đó đã khiến cho Việt nhận ra sai lầm của mình. Câu chuyện “*Ngôi sao sân cỏ*”, khiến người đọc hiểu được rằng: Trong các trò chơi thể thao, tài năng của mỗi người là điều rất quan trọng, nhưng biết phối hợp ăn ý với đồng đội của mình, biết đoàn kết sức mạnh đó cũng là một trong những yếu tố để chiến thắng. Đồng thời VB cũng muốn giáo dục HS đoàn kết chính là sức mạnh tạo nên chiến thắng.

Khi đọc VB “*Hành tinh kì lạ*” của Viêt Linh [1, tr.41] - một chuyến phiêu lưu của các bạn nhỏ, nhà văn muốn gửi thông điệp giáo dục đến người đọc đó chính là cần bảo vệ Trái đất và nhấn mạnh vai trò quan trọng của con người. “*Hành tinh kì lạ*” sẽ giúp các em thấy được các điểm khác biệt của các hành tinh khác so với Trái đất. “*Khi tàu vượt qua hành lang lửa trên hành tinh thám hiểm không gian, phía trước tàu bỗng xuất hiện những tia sáng nhấp nháy. Các kim đồng hồ ở buồng lái rối loạn, rồi không nhúc nhích nữa. Tàu buộc phải đáp xuống hành tinh gần nhất*” [1, tr.41]. Đầu tiên, các bạn nhận ra hầu hết ở đây đều là người máy. Tuy nhiên, khi vào trong thành phố quan sát mới nhận ra: “*Da của họ có nhiều màu: hồng, ánh xanh, vàng nghệ hoặc tím. Vài người kéo cao tay áo, để lộ những cánh tay bằng thép*” [1, tr.42]. Cảnh vật xung quanh đều thu hút tất cả các bạn: “*Tôi thích nhất những chiếc ô tô vừa chạy vừa bay*” [1, tr.42]. Tuy nhiên chúng lại hoạt động rất máy móc chỉ nghe lời của chủ nhân. Cái gì cũng hấp dẫn cho đến khi các

nhân vật trong VB cảm thấy quá nóng, mọi sự vật ở hành tinh này không có gì là từ thiên nhiên mà tất cả đều là máy móc ngay cả một cây đại thụ: *“Thân to đồ sộ, gốc rễ xù xì, cành lá xanh tươi, nhưng càng lại gần càng nóng ran. Tôi sờ vào thân cây và chợt phát hiện ra cây cũng chỉ là cái máy mang hình cây”* [1, tr.42] tất cả sự vật hoạt động vô hồn, lạnh lẽo khiến cho nhân vật tôi cảm thấy nhớ Trái đất, nhớ bóng cây râm mát với tiếng chim hót ríu ran. VB *“Hành tinh kì lạ”* như một lời nhắc nhở đối với con người hãy cùng nhau bảo vệ Trái đất và nhấn mạnh vai trò của con người: Dù công nghệ có hiện đại đến đâu cũng không thể thay thế được con người, thay thế đi được vẻ đẹp của tự nhiên cũng như sự sống và tình cảm của con người.

Tiếp tục với chủ đề *“Thế giới tuổi thơ”* đó chính là sự sáng tạo của các bạn nhỏ trong một lớp học. VB *“Bộ sưu tập độc đáo”* của Trương Chi Lộ [1, tr.36] kể về giờ học đặc biệt của thầy giáo Dương – người khơi dậy những đam mê sáng tạo của các em: *“Sắp nghỉ Tết, thầy muốn lớp có một hoạt động vui và ý nghĩa. Mỗi bạn sẽ sưu tầm một món đồ. Ra Tết, chúng ta tổ chức triển lãm”* [1, tr.36]. Tất cả các bạn HS đều hào hứng, mỗi bạn đều nghĩ cho mình một ý tưởng: *“Long cười rất “oách” vì cậu ấy là “vua” tem trong lớp. Khánh cũng đắc ý vì cậu ấy chuyên sưu tầm kẹp sách. Còn Loan hơi lo vì chưa biết sưu tầm gì”* [1, tr.36]. Đến ngày triển lãm, lớp học như một cửa hiệu tạp hóa vui nhộn bởi mỗi bạn lại đem đến một sản phẩm riêng của mình. Đến lượt Loan, Loan bấm máy ghi âm cho cả lớp nghe và đó là tiếng nói của cả lớp. Cả lớp được cả một trận cười lớn, xen lẫn đó là tiếng cười của thầy Dương: *“Độc đáo quá, ý nghĩa quá!”* [1, tr.37]. Tuy mỗi bạn có sở thích khác nhau nhưng tất cả đều có điểm chung nổi bật đó chính là sự sáng tạo, đầy trí tưởng tượng phong phú, không rập khuôn máy móc mà biết biến những điều tưởng chừng như bình thường, đơn giản thành món quà giàu cảm xúc và ý nghĩa. Qua đó, tác giả cho thấy sưu tầm không chỉ là một hoạt động mà còn rèn luyện cho HS tính sáng tạo, trí tưởng tượng đa dạng, phong phú, đó cũng chính là bước đệm để các em có thể định hướng mình trong tương lai. Người

cầm bút cũng khẳng định tầm quan trọng của người thầy là người thầy trong việc khơi dậy niềm đam mê của HS.

Các VB đọc chủ đề “*Thế giới tuổi thơ*” không chỉ đơn thuần giúp HS khơi gợi lại những kỉ niệm, hồn nhiên, dễ thương mà còn ẩn chứa nhiều giá trị bài học sâu sắc. Những VB truyện trong chủ đề này là quá trình dịch chuyển từ hiện tại đến hồi ức. Mặc dù cùng viết về chủ đề tuổi thơ nhưng mỗi tác giả lại chọn cho mình một khía cạnh riêng tạo nên sự phong phú, đa dạng. Mỗi mẫu truyện là một lát cắt của thế giới tuổi thơ giúp HS có cái nhìn đúng đắn về cuộc sống. Các em biết trân trọng tuổi thơ, những hình ảnh quen thuộc và nâng niu những kỉ niệm. Bên cạnh đó, VB đọc còn giáo dục HS bảo vệ thiên nhiên và khơi gợi trong mỗi cá nhân niềm đam mê sáng tạo. Có thể nói mỗi VB trong chủ đề “*Thế giới tuổi thơ*” như một người bạn luôn đồng hành cùng các bạn HS để có hành trang vững chắc trong tương lai.

1.2.2. Thiên nhiên kì thú

Chủ đề “*Thiên nhiên kì thú*” là chủ đề nói đến những hiện tượng thiên nhiên độc đáo, khác biệt và làm hấp dẫn người quan sát. Với chương trình Tiếng Việt 5 thì đây là chủ đề mà HS có thể mở mang tầm nhìn ra thế giới những điều kì lạ, bí ẩn với các hiện tượng độc đáo như: hình ảnh sa mạc rộng lớn, hay cảnh rừng xanh với những điều hấp dẫn, thú vị qua lời kể của nhà văn. Từ đó giúp HS có cái nhìn đa dạng, phong phú, biết quý trọng và bảo vệ thiên nhiên. Chủ đề này có 3 VB: *Kì diệu rừng xanh* của nhà văn Nguyễn Phan Hách, *Xin chào Xa-ha-ra* của nhà văn Di-li, *Bài ca về Mặt trời* của nhà văn Nguyễn Trọng Đạo.

Thiên nhiên luôn chứa những điều bí ẩn mà con người chưa thể khám phá hết. VB “*Kì diệu rừng xanh*” của nhà văn Nguyễn Phan Hách [1; tr.51] đưa người đọc bước vào thế giới kì ảo, sống động và đầy màu sắc. Tác giả sử dụng những lời văn sắc sảo và đầy tinh tế giúp người đọc như lạc vào một thế giới huyền ảo. Mở đầu VB, tác giả khiến cho người đọc như được hóa thân vào thành người khổng lồ đi lạc vào “*thành phố nằm lúp xúp dưới bóng cây thưa. Mỗi chiếc nấm là một lâu đài kiến trúc tân kì. Tôi có cảm giác mình là*

một người khổng lồ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon” [1, tr.51]. Đoạn văn miêu tả khu rừng vô cùng hấp dẫn, sinh động. Hình ảnh *“thành phố nấm lúp xúp”* giúp cho người đọc hình dung ra một khu rừng đầy nấm với dáng vẻ nhỏ nhắn, đáng yêu. Tác giả so sánh chiếc nấm với lâu đài tân kì, mỗi chiếc nấm bỗng trở nên lộng lẫy, diệu kì dưới con mắt quan sát của nhà văn. Hình ảnh đối lập giữa *“một người khổng lồ”* và *“những người tí hon”* làm nổi bật sự kì diệu, làm toát lên vẻ đẹp kì thú cánh rừng. Khu rừng trở nên sống động và tràn đầy nhựa sống hơn khi có những *“ánh nắng lọt qua lá trong xanh”* hay sự chuyển động của các loài vật *“Những con vượn má ôm con gọn ghẽ chuyển nhanh như tia chớp. Những con chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua không kịp đưa mắt nhìn theo”* [1, tr.36]. Hình ảnh so sánh *“như tia chớp”* thể hiện sự dẻo dai, khéo léo của thú rừng khi đang bế con. Tiếp đó, là sự chuyển động của chồn sóc với chùm lông đuôi to đẹp vút qua cho thấy sự tinh nghịch của các con vật. Tất cả những chuyển động ấy khiến khu rừng sinh động và hấp dẫn. Đặc biệt hơn, cuối VB tác giả miêu tả vẻ đẹp của rừng xanh như một bức tranh mùa thu. Các cảnh vật như: những sắc vàng động đậy, màu xanh của cỏ non,... tạo nên một bức tranh được vẽ lên bằng ngôn từ. Truyện không chỉ đơn thuần là một bài văn miêu tả cảnh đẹp mà còn là tình cảm của nhà văn đối với thiên nhiên, một khu rừng hấp dẫn, kì diệu mà không nơi nào có được và muốn hướng người đọc đến những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống hãy trân trọng và bảo vệ rừng, đó là món quà quý giá do thiên nhiên ban tặng cho chúng ta.

Chủ đề *“Thiên nhiên kì thú”* là nói đến những cảnh vật trong tự nhiên rất độc đáo, hiếm có và gây ấn tượng đối với con người. Đó có thể là các cảnh quan thiên nhiên, các hiện tượng như: núi lửa phun trào, các hang động, những hiện tượng kì lạ trong cuộc sống hay nói đến muôn thú các loài vật quý hiếm. Chủ đề phù hợp với lứa tuổi HS Tiểu học bởi đây là giai đoạn các em muốn khám phá, muốn tìm tòi những điều mới lạ trong cuộc sống, đồng thời cung cấp các tri thức cho các em về thế giới xung quanh.

“*Bài ca về Mặt trời*” của Nguyễn Trọng Tạo [1, tr.72] là một VB đầy cảm xúc của tác giả khi miêu tả về mặt trời và bày tỏ lòng biết ơn của bản thân đối với thiên nhiên đã mang lại cho vạn vật. Mở đầu tác giả miêu tả cảnh sáng sớm đầy thơ mộng: “*Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa bay la đà trên những khóm cây quanh vườn, trùm lấp một khoảng sân*” [1, tr.72]. Câu văn đã miêu tả cảnh sáng sớm thật huyền ảo sau lớp sương mù, hình ảnh so sánh “*sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa*” khiến cho màn sương bỗng trở nên mềm mại, kết hợp với từ láy “*la đà*” thấy được sự di chuyển chậm rãi, dịu dàng như đang dạo chơi. Tiếng hót của các loài chim sẻ thì khi trầm khi bổng, khi nhanh khi chậm, xôn xao cả không gian. Hình ảnh mặt trời cũng được tác giả miêu tả rất sinh động: “*sau vòm cây xanh thẫm bỗng nhô lên nửa vành mũ màu đỏ. Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời buổi sớm*” hay “*giống một chiếc mâm đồng đỏ bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng*” [1, tr.72]. Cách so sánh khéo léo của tác giả giúp cho người đọc hình dung ra được khung cảnh lúc mặt trời mọc thật vi diệu và thú vị. Sự chuyển động của mặt trời như một bức tranh sống động, xen lẫn đó chính là tiếng hót của các loài chim làm cho một buổi sáng tràn đầy nhựa sống. VB “*Bài ca về Mặt trời*” tác giả không chỉ đơn thuần miêu tả mặt trời mà còn bày tỏ cảm xúc yêu thiên nhiên sâu sắc. Bài thơ cuối bài như một lời cảm ơn và ngợi ca mặt trời vào mỗi buổi sáng sớm. Thông qua VB, người viết muốn nhắn nhủ với con người rằng: Hãy trân trọng những sự vật quanh ta, mặt trời xuất hiện hàng ngày tưởng chừng như quen thuộc nhưng lại có ý nghĩa to lớn đối với sự sống con người.

Chủ đề “Thiên nhiên kì thú” còn được thể hiện qua VB “*Xin chào Xa-ha-ra*” của Di Li [1, tr.76]. Chắc hẳn khi nhắc đến “*sa mạc*”, chúng ta sẽ nghĩ đến thời tiết khắc nghiệt nơi đây. Cái nóng oi bức ban ngày và cái lạnh về đêm. Tuy nhiên khi đến với VB “*Xin chào, Xa-ha-ra*” của nhà văn Di Li chúng ta sẽ cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên. Ngay từ đầu VB tác giả đã cảm nhận: “*tôi như đi lạc vào phim khoa học viễn tưởng*” [1, tr.76]. Tác giả sử dụng phép so sánh tạo nên sự hấp dẫn và thấy được nơi đây thật

huyền ảo và bí ẩn. Bằng cách nói giàu hình ảnh, nhà văn giúp người đọc cảm nhận được cái nóng của sa mạc: *“Chúng tôi xuống xe dưới cái nắng như rải lửa khiến tóc của mọi người trở nên giòn tan”* [1, tr.76]. Câu văn gợi được cảm giác oi ả và khắc nghiệt của thời tiết nơi đây. Hình ảnh so sánh *“cái nắng như rải lửa”* tạo cảm giác nóng bức và dữ dội. Tiếp đó, tác giả chỉ ra sự đối lập của thời tiết giữa ngày và đêm. Nếu ban ngày là cái nắng “cháy da, cháy thịt” thì ban đêm lại là cái lạnh: *“Trời tối dần, lạ thay, trời rất mát, thậm chí rất lạnh. Gió thổi lồng lộng kéo bật tóc tôi ra khỏi khăn trùm đầu”* [1, tr.77]. Phải chăng đây chính là điều tạo nên sự hấp dẫn nơi đây. Đặc biệt hơn, ngoài những lúc thời tiết khắc nghiệt, nơi đây cũng có những lúc làm rung động lòng người: *“Năm giờ sáng trời hửng. Những cơn cát óng vàng vây quanh những căn lều vuông vắn. Bầu trời nhu nhú ánh bình minh rồi rải nắng non lóng lánh lên những hạt cát mịn”* [1, tr.77]. Dưới ngòi bút sinh động, tác giả đã toát lên được khung cảnh hùng vĩ nơi đây và cho thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên không chỉ nằm ở sự trù phú mà còn ở những nơi hoang dã, nguyên sơ. Qua cách miêu tả hấp dẫn, nội dung VB đã cho người đọc cảm nhận được vẻ đẹp hùng vĩ do thiên nhiên ban tặng. Sa mạc khắc nghiệt nhưng lại là nơi cho những con người thích khám phá, trải nghiệm và tác giả không chỉ nhấn mạnh vẻ đẹp nơi đây mà còn muốn gửi gắm thông điệp: Hãy trân trọng và bảo vệ thiên nhiên, khám phá và trải nghiệm những điều mới trong cuộc sống.

Chủ đề *“Thiên nhiên kì thú”* phù hợp với lứa tuổi HS Tiểu học bởi các em rất thích tìm tòi, khám phá và tiếp cận với những tri thức mới mẻ. Qua các VB trong chủ đề không chỉ thêm tri thức, hiểu biết về thiên nhiên mà còn giúp cho HS biết yêu quý, trân trọng môi trường sống xung quanh. Việc tiếp cận qua lăng kính độc đáo của nhà văn giúp HS rèn luyện kỹ năng quan sát, tăng trí tưởng tượng, khơi dậy cho các em sự tìm tòi, sáng tạo, kích thích trí tư duy.

1.2.3. Trên con đường học tập

Chủ đề *“Trên con đường học tập”* gồm 4 VB truyện: *Trải nghiệm để sáng tạo, Khổ luyện thành tài, Từ những câu chuyện ấu thơ, Tinh thần học tập nhà Phi-lít*. Việc sắp xếp các VB theo trình tự trong chủ đề tạo ra một

dòng chảy sư phạm logic: khơi gợi cảm hứng và định hướng mục tiêu ban đầu, sau đó củng cố niềm tin bằng một hình mẫu tự học cụ thể và cuối cùng khuyến khích hành động, vận dụng kiến thức để phát triển khả năng sáng tạo thông qua các trải nghiệm thực tế.

Nghệ thuật chân chính luôn đồng hành và phản ánh chân thực cuộc sống. Để chạm đến những giá trị nhân văn, thẩm mỹ cao cả, quá trình sáng tạo đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa những trải nghiệm sâu sắc, cảm xúc chân thành và một tư duy mạch lạc. Trên con đường học tập, tri thức cũng không chỉ đến từ sách vở mà còn hình thành và bồi đắp từ chính những trải nghiệm sống. Trong VB *“Trải nghiệm để sáng tạo”* của Phan Thê Quân [1, tr.98]. Tuổi thơ của An-đéc-xen gắn liền với người cha: *“Khi An-đéc-xen còn nhỏ, cha thường đưa cậu tới đồng cỏ chơi. Cha làm cho cậu chiếc kính có thể nhìn ra xa...Lên năm tuổi, An-đéc-xen được cha làm cho mấy con rối gỗ. An-đéc-xen vui sướng cho chúng di chuyển, lắp lư cái đầu và trò chuyện cùng nhau. Cha An-đéc-xen thấy vậy liền dựng một cái sân khấu ngoài sân”* [1, tr.98] nhờ có sự đồng hành của cha, tuổi thơ của An-đéc-xen được trải nghiệm nhiều điều và tràn đầy cảm hứng sáng tạo. Chính những trải nghiệm ấy đã bồi đắp tâm hồn nhạy cảm và trí tưởng tượng phong phú nơi cậu bé. Mỗi khi *“Quan sát mỗi sự vật, cậu lại liên tưởng đến một câu chuyện kì diệu, rồi kể cho cha nghe”* [1, tr.98]. Qua đó có thể nhận thấy, tình yêu thương, sự lắng nghe và khích lệ từ cha không chỉ đồng hành cùng tuổi thơ An-đéc-xen, mà còn đặt nền tảng cho sự hình thành và phát triển tài năng nghệ thuật của ông. Trong quãng thời gian đầu lập nghiệp tại Cô-pen-ha-ghen, An-đéc-xen phải đối mặt với không ít khó khăn. Ông đi kiếm việc để mưu sinh nhưng vẫn nuôi dưỡng một niềm đam mê cháy bỏng với văn chương. Tác phẩm đầu tay của ông được xuất bản năm 1822 đã đến tay Quốc vương Đan Mạch, nhà vua cảm thấy *“rất thích thú, cho gọi An-đéc-xen đến và hỏi ông có tâm nguyện gì. Ông nói rằng mình muốn đến nhiều nơi để trải nghiệm cuộc sống”* [1, tr.99]. Câu trả lời ấy đã cho thấy: với An-đéc-xen, trải nghiệm thực tế mới là cội nguồn nuôi dưỡng sáng tạo. Có thể vì những lẽ đó mà cuốn sách đầu tiên của ông

được Quốc vương Đan Mạch thích thú, tặng ông một số tiền để ông thực hiện tâm muốn đi đến nhiều nơi để trải nghiệm cuộc sống. Ông đi nhiều nơi, trải nghiệm nhiều điều, gặp gỡ nhiều người, chứng kiến hiện thực cuộc sống. Các tác phẩm của ông đều mang tinh thần nghệ thuật vị nhân sinh, làm lay động trái tim người đọc trên thế giới. Trong những chuyến chu du An-đéc-xen có dịp tiếp xúc với nhiều tầng lớp người khác nhau, từ giới quý tộc đến những con người lao động nghèo khổ. Chính từ những quan sát đó, thái độ sống và quan điểm nhân văn của ông được thể hiện một cách rõ ràng trong sáng tác. *“Ông bất bình trước những kẻ coi thường dân nghèo. Ông thương cảm với bao thân phận bé nhỏ, thiếu may mắn. Ông trân trọng những tâm hồn trong sáng, cao thượng”* [1, tr.99]. Những câu chuyện tưởng chừng chỉ để giải trí cho trẻ em thực chất đã phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội, đồng thời gửi gắm thông điệp về tình thương, sự đồng cảm và khát vọng công bằng. Qua đó thể hiện An-đéc-xen không ngừng học hỏi từ chính cuộc sống xung quanh, để rồi biến trải nghiệm thành nguồn cảm hứng sáng tạo nghệ thuật.

Trong VB *“Khổ luyện thành tài”* [1, tr.102] cho ta thấy con đường tự học không phải là hành trình ngắn ngủi, mà là quá trình khổ luyện bền bỉ kết hợp với sự chiêm nghiệm từ những bài học tưởng chừng giản đơn. Bài học đầu tiên của thầy Vê-rô-ki-ô yêu cầu vẽ một quả trứng, nhưng mấy ngày hôm sau đều lặp lại một đề bài đã làm cậu HS Lê-ô-nác-đô cảm thấy *“cậu cảm thấy chán nản với yêu cầu của thầy giáo, cho rằng thầy coi thường năng lực của mình”* [1, tr.102] và không hiểu lý do tại sao thầy chỉ cho vẽ mãi một yêu cầu. Cho đến khi thầy giáo đã chỉ ra rằng, tưởng chừng đơn giản nhưng việc vẽ trứng lại ẩn chứa một bài học sâu sắc về sự quan sát và khổ luyện. Bởi lẽ, trong vô vàn quả trứng, không tồn tại sự trùng lặp tuyệt đối. Ngay cả một vật thể quen thuộc như quả trứng cũng biến đổi khôn lường dưới những góc nhìn và tác động của ánh sáng. Vì vậy, để tái hiện chân thực hình ảnh, không có con đường nào khác ngoài sự rèn luyện kiên trì và tỉ mỉ. Nhờ sự giảng giải của thầy giáo, tâm hồn Lê-ô-nác-đô không chỉ tiếp nhận tri thức từ thầy, mà quan trọng đã thấm nhuần chân lý sâu sắc về con đường dẫn đến thành công:

chỉ có sự khổ luyện bền bỉ và tinh thần tỉ mỉ, trau chuốt trong từng hành động nhỏ mới có thể tạo nên những thành tựu vĩ đại, quyết định vận mệnh cuộc đời. Sự khổ luyện từ việc vẽ trứng đã trở thành nền tảng để ông tiếp cận những đối tượng phức tạp hơn, đồng thời nuôi dưỡng tinh thần tự học suốt đời. Chính nhờ kiên trì theo đuổi con đường ấy, Lê-ô-nác-đô đa Vin-xi không những vượt qua thầy của mình mà còn trở thành một trong những danh họa vĩ đại nhất thế giới.

VB *“Từ những câu chuyện ấu thơ”* của Nguyễn Nhật Ánh [1, tr.110] nhấn nhủ trong hành trình trưởng thành và học tập, thói quen đọc sách không chỉ mang đến tri thức, mà còn nuôi dưỡng trí tưởng tượng, bồi đắp tình cảm và hình thành nhân cách. Ngoài ra từ ta có thể thấy rõ rằng con đường tự học của con người đôi khi bắt đầu từ những trải nghiệm rất giản dị, như những câu chuyện kể từ người thân trong gia đình. Đối với nhân vật “tôi”, tuổi thơ gắn liền với lời kể của bà, của chú, với những truyền thuyết, cổ tích, thần thoại. Chính những câu chuyện tưởng chừng mộc mạc ấy lại gieo hạt mầm trí tưởng tượng và khát vọng khám phá tri thức. *“Bà và chú tôi kể mãi cũng hết chuyện. Từ khi nghe chú tôi mách những câu chuyện đó và vô số những câu chuyện tương tự được viết trong các cuốn sách, tôi cố gắng học chữ để tự mình khám phá thế giới kì diệu kia”* [1, tr.110]. Đây chính là bước chuyển quan trọng: từ chỗ tiếp nhận thụ động sang chủ động học hỏi, tự mình chiếm lĩnh tri thức. Ở mỗi chặng đọc, sách không chỉ mang lại kiến thức hay câu chuyện mới mẻ, mà còn mở rộng tâm hồn, làm giàu đời sống cảm xúc, bồi đắp nhân cách: Chính sự thôi thúc khám phá thế giới diệu kỳ ẩn sau con chữ, niềm khát khao được trải nghiệm vô vàn câu chuyện qua mỗi trang sách lật mở, là một món quà tinh thần vô giá nuôi dưỡng tâm hồn: *“Tôi khóc cười qua những trang sách, ngạc nhiên thấy mình trải qua những cảm xúc mà trên thực tế, tôi chưa đủ lớn để trải nghiệm ngoài đời”* [1, tr.111]. Khi lớn hơn, đến lượt cậu lại trở thành người kể chuyện cho các em nhỏ, gieo tiếp niềm say mê sách vở cho thế hệ sau. Điều này chứng tỏ rằng việc đọc không chỉ là hành trình cá nhân, mà còn lan tỏa, nối dài thành mạch nguồn tri thức trong gia đình, trong

cộng đồng. Tự học không phải lúc nào cũng bắt đầu từ trường lớp, mà đôi khi nảy mầm từ những phút giây bình dị trong đời sống. Chính sách và việc đọc đã mở ra cho con người cánh cửa tri thức vô tận, hình thành nhân cách, nuôi dưỡng tâm hồn, nhu cầu học tập suốt đời.

Trong VB *“Tinh thần học tập của nhà Phi-líp”* của Trương Cần [1, tr.117] có thể nhận thấy con đường tự học của nhân vật gắn liền với sự định hướng từ gia đình, đặc biệt là từ người cha. Ngay từ nhỏ, cậu bé đã tỏ ra ham tìm hiểu, say mê sách báo và chú ý lắng nghe những điều xung quanh để mở rộng tri thức *“Phi-líp được như vậy là nhờ cách giáo dục của cha”* [1, tr.117]. Ông quan niệm *“điều đáng buồn nhất là cả ngày không học được thứ gì mới”* [1, tr.118] và từ quan niệm ấy, ông *“yêu cầu mỗi ngày ai cũng phải học được kiến thức mới, rồi trao đổi với nhau sau bữa tối”* [1, tr.118] đây không chỉ là hoạt động kiểm tra kiến thức mà còn là mang tính giáo dục định hướng, tạo tinh thần học tập suốt đời. Chi tiết trao đổi kiến thức của nhà Phi-líp về dân số, vị trí địa lý của Nê-pan là minh chứng rõ ràng cho phương pháp học tập giàu tính thực tiễn mà người cha áp dụng. Điểm đáng chú ý là tri thức không dừng lại ở việc tiếp nhận thụ động, mà được chuyển hóa thành hoạt động chung, nơi mỗi thành viên đều có cơ hội học hỏi và bổ sung cho nhau *“Tám bản đồ được trải ra trên nhà. Cả nhà xúm lại tìm xem Nê-pan ở đâu”* [1, tr.118] sự đồng hành của cha mẹ và tinh thần chủ động của các con đã tạo nên một cộng đồng học tập nhỏ, nơi mỗi thành viên đều cảm thấy được khuyến khích và hỗ trợ trên con đường khám phá tri thức. Bố mẹ Phi-líp là những người quan tâm đến việc dạy và chỉ cho các con cách học tập đúng đắn, tới tận một vị giáo sư đại học dạy Phi-líp cũng có phương pháp giáo dục tương tự cha mình.

Chủ đề *“Trên con đường học tập”* chủ yếu đưa ra những câu chuyện tám gương tự học, không chỉ tự học mà còn tìm tòi khám phá học từ cuộc sống xung quanh. Con đường học tập là một bức tranh muôn màu, nơi tri thức, trải nghiệm và tình yêu thương hòa quyện, dẫn lối ta đến những chân trời mới. Và không thể thiếu sự cố gắng học hỏi, kiên trì rèn luyện mỗi ngày.

1.2.4. Nghệ thuật muôn màu

Chủ đề “*Nghệ thuật muôn màu*” gồm 3 VB: *Trí tưởng tượng phong phú*, *Tập hát quan họ*, *Sự tích chú Tễu*. Mỗi tác phẩm khai thác nghệ thuật theo cách riêng, từ sức mạnh tưởng tượng trong văn học đến vẻ đẹp truyền thống trong âm nhạc dân gian và loại hình nghệ thuật. Qua đó, người đọc và người nghe không chỉ cảm nhận được sự sáng tạo và tinh tế của nghệ thuật, mà còn thấy được cách nghệ thuật kết nối con người với văn hóa và những giá trị tinh thần sâu sắc.

Câu chuyện “*Trí tưởng tượng phong phú*” của Dun Dơ-rim, Bảo Khanh dịch [1, tr.127] kể về cô bé Giô-an Rô-linh một người từ nhỏ đã có trí tưởng tượng phong phú “*nghĩ ra nhiều câu chuyện và kể cho em gái nghe. Chỉ cần nhìn thấy một chú thỏ là Giô-an có ngay một câu chuyện*” [1, tr.127], hay sự thay đổi chi tiết nhỏ trong lời kể cũng và phản ánh tư duy kể chuyện luôn sáng tạo biến những chi tiết đời thường thành những câu chuyện sống động “*Cô bắt đầu kể cho em: “Thỏ con bị sốt. Cô ong mang đến cho thỏ một chiếc bánh quy mật ong. Thỏ ăn xong, khỏi bệnh liền”. Hôm sau, em gái nài nỉ cô kể tiếp. Giô-an kể: “Cô ong lo lắng cho bệnh tình của thỏ. Ong tiêm cho thỏ một mũi...”. Đứa em vội kêu: “Không phải, hôm qua chị kể khác*” [1, tr.127]. Khi nhận ra dễ quên câu chuyện Giô-an Rô-linh đã quyết định ghi chép để lưu giữ và phát triển ý tưởng - đây là kỹ năng quan trọng trong sáng tác văn học. Đến khi trưởng thành, nguồn cảm hứng của Giô-an trở nên sâu sắc và kỳ diệu hơn. Khi cô ngồi tàu “*cô chợt nghĩ tới hình ảnh một cậu bé với cặp kính và một vết sẹo hình tia chớp trên trán. Thế là trước mắt cô, cả đoàn tàu đi vào thế giới phép thuật kì thú. Giô-an đặt tên cho cậu bé là Ha-ri Pót-tơ*” [1, tr.128] điều này cho thấy trí tưởng tượng của Giô-an Rô-linh là nghệ thuật liên kết hài hòa giữa hình ảnh thực tế và yếu tố phép thuật, thu hút người đọc bởi thế giới vừa quen thuộc vừa kì diệu. Chứng tỏ giá trị nghệ thuật nằm ở sự chân thành và lòng yêu thích sáng tạo không ngừng của người viết.

Trong VB “*Tập hát quan họ*” của Nguyễn Phan Hách [1, tr.136] nhân vật tôi hồi tưởng về khung cảnh thơ mộng. Ngôi nhà bà Trương được miêu tả

không chỉ là một địa điểm quen thuộc mà còn là một không gian văn hóa, nơi mọi chi tiết đều có ý nghĩa. Đường vào nhà “*cong như cổ ngõ, hai bên trồng hoa tầm xuân*” [1, tr.136] gợi sự duyên dáng, cổ kính. Khu vườn nhà bà với “*táo cổ thụ um tùm rợp bóng, táo chín vỡ thơm nức trên những phiến đá xanh xếp như bộ xa lông đồ sộ*” [1, tr.136] không chỉ là bối cảnh tự nhiên mà còn trở thành một sân khấu nghệ thuật ngoài trời, nơi con người và thiên nhiên hòa hợp. Những từ ngữ gợi tả như “*thơm nức*” của táo chín hay “*mát rượi*” của gió hồ sen đã đánh thức các giác quan của người đọc bằng cả khứu giác và xúc giác. Mỗi làn điệu đều gắn liền với một sắc thái tình cảm và được so sánh một cách tinh tế. Các liên chi thuật tha tập điệu “*Ngổ lời*”, “*Thương nhau*”, “*Giã bạn*”. Điệu “*Ngổ lời*” được ví như “*nước suối thượng nguồn, róc rách, từ từ, nhưng trong vắt, tinh khôi*” [1, tr.137], vừa mô tả âm thanh vừa thể hiện sự thẹn thùng, e ấp. Sang hè, điệu “*Thương nhau*” lại mang một sắc thái hoàn toàn khác, được miêu tả bằng những từ ngữ đầy nhiệt huyết như “*nồng cháy, thiết tha.*” [1, tr.137]. Cuối cùng, điệu “*Giã bạn*” là đỉnh điểm của cảm xúc, được diễn tả bằng những từ giàu tính biểu cảm như “*lưu luyến, dưng dưng, đau đầu*” [1, tr.137] thể hiện nỗi buồn chia ly day dứt. Dưới sự dẫn dắt nhiệt tình của bà Trương các chị phải hát làm sao để thể hiện được cảm xúc đa dạng phù hợp từng điệu hát riêng: thẹn thùng, nồng cháy, lưu luyến,... cùng kỹ thuật “*lấy hơi, nhả chữ tròn vành rõ tiếng, đến cách rung luyến lấy âm thanh*” [1, tr.137]. Những lời ca quan họ cứ vương vấn trong tâm trí, như một hạt mầm lặng lẽ nảy nở thành ước vọng được tự mình thể hiện.

“*Nghệ thuật muôn màu*” trong đoạn trích này không chỉ nằm ở hình thức nghệ thuật rồi nước được nhắc đến mà còn thể hiện qua cách xây dựng ngôn ngữ, khắc họa nhân vật với những tính cách độc đáo và gửi gắm những khát vọng về sự phát triển của nghệ thuật truyền thống. Đoạn trích là một bức tranh sinh động về tình người, đam mê nghệ thuật và sự tiếp nối các giá trị văn hóa.

VB “*Sự tích chú Tễu*” của Trần Quốc Toàn [1, tr.153] nghệ thuật muôn màu chính là khả năng của nghệ thuật truyền thống trong việc tiếp thu, biến

đổi và kế thừa những giá trị mới từ người nghệ sĩ để tiếp tục tồn tại và tỏa sáng. Cảnh 1 giới thiệu nhân vật anh Tễu với ngoại hình “*bụng trổng châu, đầu cá trê*” [1, tr.153]. Sự miêu tả này không mang tính miệt thị mà là sự hình tượng hóa, tạo nên một nhân vật ngộ nghĩnh, hoạt bát - một hình mẫu lý tưởng để gieo tiếng cười. Với mong muốn được giấu mình trong nghệ thuật rồi nước nhưng vẫn thỏa mãn ước mơ ca hát của mình. Ông Quán, người thầy nhìn xa trông rộng, không chỉ nhận thấy sự ngộ nghĩnh ở Tễu mà còn thấu hiểu và trân trọng khát vọng cống hiến cho nghệ thuật của anh. Cảnh 2 của VB, giấc mơ của Tễu “*một nơi có nhà thủy đình rộng mênh mông, thoả sức ngân nga cho tròn vành rõ chữ*” [1, tr.154] không chỉ là ước muốn cá nhân mà còn là khát vọng phát triển, nâng tầm nghệ thuật rồi nước, tìm kiếm hình thức biểu diễn mới mẻ hơn. Việc ông quán xin lấy anh Tễu làm hình mẫu một quân rồi mới là hành động tri ân, ngoài ra còn thể hiện tiếp nối và làm mới cho nghệ thuật rồi nước, đảm bảo rằng “*quân rồi chú Tễu sẽ thay con ca hát với mọi người*” [1, tr.154] như khẳng định giá trị tiếng cười trong cuộc sống và nghệ thuật.

Chủ đề “*Nghệ thuật muôn màu*” mở ra thế giới nghệ thuật đa dạng, phong phú. Từ trí tưởng tượng phong phú trong sáng tác văn học, vẻ đẹp tinh tế của làn điệu quan họ, sự kế thừa và phát triển trong nghệ thuật múa rồi nước. Nghệ thuật không chỉ là sự sáng tạo, mà còn là cầu nối giữa con người với văn hóa và những giá trị tinh thần sâu sắc.

1.2.5. Vẻ đẹp cuộc sống

Chủ đề “*Vẻ đẹp cuộc sống*” được giới thiệu bằng 4 VB đó là: sự hoà hợp với thiên nhiên trong “*Tiếng hát của người đá*”, tình thầy trò quý báu “*Hộp quà thiên thanh*”, bài học trưởng thành qua lăng kính tình bạn “*Giỏ hoa tháng năm*”, ý chí nghị lực vượt lên khó khăn “*Khu rừng của Mát*”. Mỗi phần đều xoay quanh một khía cạnh của vẻ đẹp cuộc sống (gắn bó với thiên nhiên, tình cảm con người, sự thấu hiểu và tha thứ, ý chí vượt khó), giúp người đọc dễ dàng nắm bắt ý chính.

VB *“Tiếng hát của người đá”* [2, tr.8] kể về một mỏm đá trên đỉnh núi cao được mọi vật yêu quý: *“Những tia nắng vàng dịu, những hạt mưa trong vắt thay nhau tắm gội, sưởi ấm cho mỏm đá. Gió rì rào kể cho mỏm đá nghe những câu chuyện về mọi miền. Chim hót cho mỏm đá nghe những điệu ca du dương”* [2, tr.8]. Sự ra đời của Nai Ngọc từ tinh hoa đất trời không chỉ thể hiện một cuộc sống nguyên sơ, an lành mà còn khẳng định nguồn sống được nuôi dưỡng, dung dưỡng bởi lòng thiên nhiên. Chuyển đổi từ vật vô tri thành con người có ý thức tượng trưng cho mối quan hệ hòa quyện giữa tự nhiên và nhân tính, nguồn gốc của cái thiện và cái đẹp luôn gắn liền với sự tinh tú của đất trời và sự sống. Người đá là biểu tượng của sức mạnh thiên nhiên hùng vĩ, cuộc sống của con người Việt Nam không thể xa rời thiên nhiên, cây cối, núi non. Khi đối đầu với muông thú phá hoại Nai Ngọc đã dùng tiếng hát để cảm hoá, nhờ vậy mà *“muông thú quên cả phá lúa, nhảy múa theo tiếng hát”* [2, tr.9]. Trong cuộc chiến chống giặc ngoại xâm, một lần nữa Nai Ngọc không dùng binh đao mà một lần nữa dùng tiếng hát để thức tỉnh lương tri của kẻ thù, kêu gọi họ từ bỏ chiến tranh để trở về với cuộc sống an bình. Điều này còn thể hiện đề cao cách giải quyết vấn đề đầy tính nhân văn và sức mạnh nghệ thuật trong việc mang lại hoà bình, hài hoà, tắm lòng lương thiện và sức cảm hoá. Sự biến mất của Nai Ngọc sau khi hoàn thành sứ mệnh cứu dân, cùng với niềm tin bất diệt của dân làng rằng em sẽ trở về, đã khẳng định lòng tốt, sự hi sinh luôn được đề cao, và niềm tin vào tương lai hoà bình hạnh phúc. Chính mối gắn kết bền chặt ấy đã tạo nên một tình cảm sâu nặng, một sự hòa hợp bền vững giữa con người và thiên nhiên, thể hiện rõ nét trong văn hóa và tinh thần của dân tộc.

Về đẹp cuộc sống còn hiện hữu trong các mối quan hệ mà chúng ta xây dựng và gìn giữ. Nổi bật nhất trong bài *“Hộp quà màu thiên thanh”* của Nguyễn Thu Hằng [2, tr.22] là tình thầy trò ấm áp và sự thấu hiểu. Cô giáo không chỉ truyền đạt kiến thức mà còn bồi dưỡng nhân cách. Khi Tân đi học muộn vì giúp mẹ, cô không trách mắng mà bao dung, khen em biết thương mẹ đồng thời nhẹ nhàng định hướng để em hoàn thiện hơn: *“Tân như thế là biết*

thương mẹ. Nhưng nếu em vừa biết giúp mẹ vừa đi học đúng giờ thì còn biết thương mẹ nhiều hơn!” [2, tr.22]. Sự tiến bộ của Tân cuối năm học chính là minh chứng cho tấm lòng và phương pháp giáo dục đúng đắn của cô. Cả lớp bí mật chuẩn bị những lá thư để tặng cô vào buổi tổng kết để bày tỏ lòng biết ơn và sự kính trọng sâu sắc dành cho người đã dìu dắt mình. Lá thư mang theo những lời tâm sự của các em HS. Tân viết: *“buổi đi học muộn hôm ấy và cả những cố gắng của Tân trong học tập: dậy sớm hơn để học bài, tranh thủ các buổi chiều nghỉ học, Tân giúp mẹ việc nhà...”* [2, tr.22]. Bên cạnh đó cuộc sống học đường hiện lên thật tươi đẹp qua tình bạn trong sáng và sự quan tâm chân thành giữa các HS. Khi Tân đang ấp úng trả lời lí do khi đi học muộn, Huệ đã nhanh nhẩu nói giúp Tân, hành động đầy tinh tế vừa giúp Tân trong tình huống khó xử lại vừa thể hiện sự thấu hiểu và che chở bạn bè. Những mối quan hệ này không chỉ giúp cuộc sống ý nghĩa, mà còn giúp nuôi dưỡng, hình thành nhân cách cho HS.

Vẻ đẹp cuộc sống còn hiện rõ nét trong niềm vui tuổi thơ trong VB *“Giỏ hoa tháng năm”* của tác giả Minh Hương [2, tr.26] khi đến ngày lễ mừng xuân làm giỏ hoa mang đến bất ngờ cho mọi người rồi chạy ngay đi để lặng lẽ quan sát biểu cảm của người nhận quà. Ở khía cạnh sâu sắc nhất thể hiện vẻ đẹp của cuộc sống trong đoạn văn. Ban đầu, nhân vật *“tôi”* (Xu-di) cảm thấy ghen tị và giận dữ khi bạn thân Pam có thêm bạn mới. Cô bé cảm thấy bị bỏ rơi và điều này dẫn đến sự bướng bỉnh, từ chối mang hoa tặng Pam. Chính trong khoảnh khắc đó xuất hiện sự can thiệp khéo léo của mẹ không chỉ giúp Xu-di đã vơi đi nỗi buồn mà còn giúp cô bé mở ra góc nhìn khác của tình bạn: *“Mẹ bảo càng lớn, chúng tôi sẽ càng có nhiều bạn. Những người bạn không thể chỉ chơi với một mình tôi. Và ngay cả tôi cũng không thể chỉ chơi với một người bạn”* [2, tr.26]. Đây còn là bài học về sự bao dung trong mối quan hệ bạn bè. Khi đã hiểu ra, Xu-di đã không còn giận Pam nữa, cô bé quyết định tặng bạn một giỏ hoa vàng mà Pam thích nhất. Quan trọng hơn, khi Pam nhận ra giỏ hoa là của Xu-di và nói to *“Cảm ơn Xu-di, hi vọng cậu không còn giận mình!”* [2, tr.27], đó là một khoảnh khắc của sự thấu hiểu và tha thứ từ cả hai phía. Sự thấu hiểu và tha thứ đã chữa lành tình bạn, đem lại

bình yên cho cả hai. Bài học bạn thật sự là người ta giữ trong tim chứ không phải người ta giữ bên cạnh không chỉ là chân lý về tình bạn mà còn là triết lý sống dạy ta trưởng thành - biết trân trọng mà không chiếm hữu.

VB “*Khu rừng của Mát*” [2, tr.38] là câu chuyện về Mát và trang trại rừng là bản hòa ca dịu dàng nhưng mạnh mẽ về vẻ đẹp của cuộc sống qua những khía cạnh đầy cảm xúc và ý nghĩa. Mát lớn lên cùng ông nội, được sống gần gũi với thiên nhiên và gắn bó với trang trại gia đình. Những ngày cùng ông gieo hạt, tỉa cành, Mát không chỉ học cách chăm sóc rừng mà còn hấp thụ cả một di sản vô giá: tình thân, ký ức, và bài học rằng giá trị thật sự chẳng nằm ở vàng bạc, mà ở trái tim biết trân quý. Nhưng rồi, ngọn lửa định mệnh ập đến, thiêu rụi trang trại, biến giấc mơ xanh thành tro bụi, dìm Mát trong cơn tuyệt vọng đen kịt. Tưởng chừng mọi thứ đã chấm hết, thì lời bà lão hàng xóm, mộc mạc mà sắc bén như lưỡi dao rạch màn đêm, vang lên: “*Cây cháy thì trồng lại, cậu còn trẻ mà!*” [2, tr.39]. Câu nói ấy như tia nắng vàng xuyên qua mây đen, thổi bùng ngọn lửa ý chí trong tim Mát. Từ đống tro tàn, anh dùng những thân cây đen sì thành củi đen bán, dùng số tiền bán củi thu được để mua cây giống trồng lại. Mát đã kiên cường như người nghệ sĩ tài ba dựng lại kiệt tác từ những mảnh vụn. Mát đã kiên trì phục hồi trang trại từ đống đổ nát như một người thợ lành nghề. Nhiều năm sau, “*Rừng của Mát*” [2, tr.39] đã được khôi phục, xanh tốt trở lại nhờ vào nỗ lực bền bỉ và niềm tin không bỏ cuộc. Câu chuyện của Mát cho thấy rằng, dù cuộc sống có khó khăn đến đâu, chỉ cần còn hy vọng, con người vẫn có thể vượt qua và bắt đầu lại.

Sau khi đọc những câu chuyện về Nai Ngọc, về cô giáo, cậu học trò, về tình bạn của Xu-di hay ý chí của Mát, chúng ta thấy cuộc sống có rất nhiều điều tốt đẹp. Đó không chỉ là sự hòa hợp với thiên nhiên hay tình cảm thầy trò, bạn bè, mà còn là những bài học quý giá về lòng bao dung, sự tha thứ và ý chí vươn lên. Những vẻ đẹp ấy không ở đâu xa, chúng hiện diện ngay trong những điều bình dị hằng ngày. Các câu chuyện đã gieo vào lòng chúng ta niềm tin vào những giá trị tốt đẹp, nhắc nhở rằng cuộc sống luôn muôn màu và đáng trân trọng.

1.2.6. Hương sắc trăm miền

Khi đọc tên chủ đề “*Hương sắc trăm miền*” người đọc sẽ nghĩ đến vẻ đẹp của thiên nhiên, phong cảnh hữu tình hay những tập tục văn hóa nơi mà mình được sinh ra và lớn lên. Mỗi một vùng miền có nét văn hóa đặc trưng riêng, từ hương vị của món ăn, phong cảnh thiên nhiên đến những lễ hội. Không chỉ là vẻ đẹp thiên nhiên mà nó còn hòa quyện với sức sống mãnh liệt của con người. Họ là những người thân thiện, cởi mở, hòa đồng, mạnh mẽ, kiên cường, dũng cảm trước những khó khăn thử thách của cuộc sống. “*Hương sắc trăm miền*” còn ẩn dụ cho tình yêu quê hương, đất nước, nơi mỗi miền là một nốt nhạc riêng nhưng hòa vào nhau tạo thành một bản giao hưởng chung của cả dân tộc. Nhiều thế hệ nối tiếp nhau đã hình thành nên những phẩm chất, bản lĩnh, thể hiện tinh hoa của các giá trị truyền thống, làm nên cốt cách, bản sắc của con người Việt Nam ta. Song, người Việt Nam ta nhờ vào sức mạnh đoàn kết đã chiến thắng được kẻ thù xâm lược và như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công*”. Chủ đề gồm 2 VB thuộc thể loại truyện ngắn, đó là: *Những búp chè trên cây cổ thụ* - Theo Nguyên Hương, *Xuống ba lá quê tôi* – Theo Nguyễn Chí Ngoan.

Tôi được sinh ra và lớn lên trên mảnh đất hình chữ S là niềm tự hào và vinh dự lớn lao. Niềm tự hào ấy hiện hữu trong trái tim của mỗi người Việt Nam. Chúng ta cảm thấy tự hào khi bản thân làm được những điều mà người khác chưa làm, tự hào khi thành công trong sự nghiệp, tự hào về gia đình, người thân và mảnh đất quê hương của mình. Mỗi một vùng miền đều có màu sắc, vẻ đẹp riêng của mình chính vì vậy “*Những búp chè trên cây cổ thụ*” của tác giả Nguyên Hương [2, tr.48] là niềm tự hào của những người con Tây Bắc. Tác giả mong muốn được lan tỏa, giới thiệu những sản vật quê hương đến tất cả mọi người. Nhân vật không chỉ dừng lại ở việc giới thiệu sản vật quê hương cho các tỉnh trong nước mà còn mong muốn được mang ra khắp thế giới: “*Em ước em làm kĩ sư nông nghiệp để giúp bản trồng được nhiều chè hơn. Em sẽ mang chè Tà Xùa đi khắp thế giới*” [2, tr.49]. Trong ánh mắt

và nụ cười của Thào A Sùng, người ta dễ dàng nhận ra một ước mơ đang thấp sáng, vừa giản dị mà cũng thật tha thiết: “*Thào A Sùng cười thật tươi. Trong mắt cậu, tôi như thấy những đôi chè băt ngàn, thân cây đâm sương còn ngọn vươn cao đón nắng*” [2, tr.49]. Anh cũng rất tự hào khi mình là người con của Tà Xùa bởi có lẽ, anh biết những búp chè trên cây cổ thụ chính là sự liên kết giữa quá khứ và hiện tại. Cây chè cổ thụ là biểu tượng cho sự kiên cường, bền bỉ, tượng trưng cho công lao của các thế hệ trước. Tác giả cũng đã rất khéo léo khi xây dựng hình ảnh của những búp chè, nó giống như mối liên hệ giữa sự sống và cái chết, về thời gian và sự trưởng thành. Những búp chè mới lớn giống như một khởi đầu mới, một cuộc sống mới với niềm hy vọng lớn. Cây chè cổ thụ không chỉ là một loài cây mà nó mang trong mình một sự sống mãnh liệt, bởi nó là cây cổ thụ nên sức của nó khác với các loài cây khác, nó trải qua biết bao năm tháng dài, tượng trưng cho sự bền bỉ về thời gian giữa con người và thiên nhiên. Cây cổ thụ đã rất già nhưng nó vẫn cho ra những búp chè non cũng giống như giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam ta vẫn luôn được giữ gìn, bảo tồn và phát triển những giá trị ấy. Cổ thụ như lịch sử, truyền thống lâu đời của ông cha ta; còn những búp chè non là niềm tin, hy vọng về một tương lai đang hé mở của cả một dân tộc, một thời đại mới đang ngày càng phát triển. Truyện ngắn “*Những búp chè trên cây cổ thụ*” là một câu chuyện kể về nhân vật Thào A Sùng có ước mơ muốn đưa sản vật của quê hương để giới thiệu tới mọi người rồi trên khắp thế giới. Qua hình ảnh ấy, tác giả miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên miền núi, đồng thời ca ngợi sức sống mãnh liệt, dẻo dai của cây chè - loài cây gắn bó với đời sống lao động và văn hóa của con người Tây Bắc.

Miền Nam Việt Nam là vùng đất hội tụ nắng gió của sông nước, con người họ cởi mở, phóng khoáng, luôn yêu thương giúp đỡ lẫn nhau. Những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay đến nhịp sống sôi động của con người phương Nam đã tạo nên một vùng đất luôn tràn đầy sức sống, mở ra những ước mơ về cuộc sống tươi đẹp. VB “*Xuống ba lá quê tôi*” của nhà văn Nguyễn Chí Ngươn [2, tr.70] đã ca ngợi những vẻ đẹp của thiên nhiên hữu

tình, phong cảnh non nước và cuộc sống giản dị đồng thời chứa đựng tình yêu thương của con người với nhau. Hình ảnh chiếc xuồng không chỉ là phương tiện đi lại mà nó còn là người bạn đồng hành thân thiết của con người. Tác giả ví “*xuồng ba lá*” giống như “*đôi chân của người dân Nam Bộ*” [2, tr.70], điều đó chứng tỏ rằng chiếc xuồng là một phần rất quan trọng, không thể thiếu trong đời sống của người dân nơi đây, giống như chúng ta không thể thiếu đi đôi chân, một bộ phận trên cơ thể của con người. Tình yêu thương của tác giả đối với cuộc sống ở vùng sông nước không chỉ dừng lại ở những khung cảnh lớn lao mà nó còn thể hiện trong từng chi tiết nhỏ của cuộc sống thường ngày: “*Tôi vẫn nhớ những sáng nội chèo xuồng mang cho tôi mấy cái bánh lá dừa, giỏ cua đồng mà nội vừa bắt được. Nhớ những chiều chị tôi chèo xuồng dọc triền sông, bẻ bông điên điển đầy rổ mang về cho má nấu canh chua*” [2, tr.70]. Từ thời chiến tranh, chiếc xuồng đã giúp người dân “*bám trụ, giữ xóm, giữ làng*”. Xuồng còn là phương tiện giúp lương thực đến với bộ đội, đưa du kích qua sông, len sâu vào khu căn cứ kháng chiến. Khi hòa bình, xuồng trở về với cuộc sống yên bình, giản dị như ngày thường: “*Đất nước thanh bình, xuồng ba lá lại trở về cuộc sống đời thường. Xuồng ngược xuôi miền chợ nổi. Xuồng lướt nhanh trên cánh đồng rì rào sóng lúa. Xuồng rộn ràng những đêm giăng câu, thả lưới*” [2, tr.71]. Xuồng giúp người dân di chuyển ở mọi nơi, từ những con rạch đến các con sông lớn. Nó tượng trưng cho sự tự do, muốn tìm tòi, khám phá giống như những con người ở Nam Bộ. Họ - những con người cần cù, chịu thương chịu khó chỉ ước một cuộc sống bình dị, có người thân bên cạnh, họ khát khao được nhìn ngắm dòng sông, nơi mình được sinh ra vào mỗi ngày: “*Vào mỗi sớm mai, trên nhánh sông quê, những chiếc xuồng ba lá theo dòng nước tỏa đi, chở đầy ước mơ, khát vọng của tình đất, tình người phương Nam*” [2, tr.71]. Bằng những câu văn giản dị, chân thật của mình, tác giả Nguyễn Chí Hoan đã thể hiện tình yêu thiên nhiên, đất nước của mình qua VB “*Xuồng ba lá quê tôi*”. Người đọc không chỉ thấy được phong cảnh của vùng sông nước mà còn cảm nhận

được tình yêu thương của con người dành cho thiên nhiên cũng như tình yêu của con người dành cho chiếc “*xuồng ba lá*”.

Đất nước ta trải dài từ Bắc vào Nam, mỗi vùng miền đều mang trong mình những nét đẹp riêng biệt. Chủ đề “*Hương sắc trăm miền*” đã mang đến cho HS những VB mang đậm màu sắc của quê hương mình. Không chỉ là vẻ đẹp của quê hương mà nó còn gắn liền với sức sống mãnh liệt bên trong của họ. Những hình ảnh thật gần gũi, thân thương về khung cảnh làng quê, về cuộc sống của người Việt Nam cần phải được lưu giữ và phát huy.

1.2.7. Tiếp bước cha ông

Truyền thống giữ gìn, phát huy vẻ đẹp của con người Việt Nam được thể hiện qua sự tiếp nối các thế hệ đi trước đó là những người đã hy sinh chiến đấu để bảo vệ tự do, nền độc lập, chủ quyền và xây dựng quê hương đất nước. Không những vậy, dân tộc ta còn có truyền thống hiếu học. Ông cha ta đã dạy rằng “*Hiền tài là nguyên khí quốc gia*”, học không chỉ cho bản thân mà còn để giúp ích cho quê hương, đất nước. “*Tiếp bước cha ông*” là sự tự hào, lời nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay phải có trách nhiệm giữ gìn, phát huy những giá trị đó. Chủ điểm có một VB thuộc thể loại truyện đó là: *Người thầy của muôn đời* – Theo Hà Ân [2, tr.93].

Người thầy của mọi thời đại, nhà giáo lỗi lạc của Việt Nam, đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp dạy học, với triết lý giáo dục nhân văn, không phân biệt giàu nghèo, học đi đôi với thực hành, học suốt đời để biết, để làm việc và cống hiến cho xã hội đó là thầy giáo Chu Văn An. Tư tưởng của thầy không những có ảnh hưởng tới nhiều thế hệ người Việt Nam mà còn góp phần phát triển các giá trị nhân văn, quan điểm giáo dục của ông có những giá trị tiến bộ vượt thời đại, gần gũi với mục đích giáo dục của thế giới hiện nay.

Trong thời Trần, Chu Văn An là người có vị trí vô cùng đặc biệt và cao quý trong xã hội. Ông không chỉ là thầy giáo giỏi được nhiều học trò tìm đến học tập, mà còn là tấm gương sáng về đạo đức và lòng yêu nước: “*Chu Văn An là một nhà giáo nổi tiếng đời Trần. Cự đồ cao nhưng không làm quan mà mở trường dạy học ở quê nhà nhằm truyền bá đạo lý và đào tạo nhân tài cho*

đất nước” [2, tr.93]. Dù không làm quan lớn, ông vẫn được vua kính trọng, dân yêu mến, bởi tài năng và nhân cách hơn người. Ông dám nói lên sự thật, dám bảo vệ lẽ phải dù phải từ quan, lui về ở ẩn. Trong mắt mọi người, ông là ngọn đuốc soi đường cho bao thế hệ, là biểu tượng của một người thầy chân chính, sống thanh cao, ngay thẳng và đầy khí phách. VB “*Người thầy của muôn đời*” của tác giả Hà Ân đã nói lên một phần của cuộc đời của thầy giáo Chu Văn An. Hình ảnh người thầy – biểu tượng của tri thức, lòng tận tụy và sự hy sinh thầm lặng đã giúp biết bao con người được học tập, phấn đấu hết mình vì bản thân, gia đình, quê hương đất nước. VB không chỉ ca ngợi vai trò to lớn của người thầy trong sự nghiệp giáo dục mà còn khơi dậy lòng biết ơn sâu sắc đối với người đã dìu dắt, truyền đạt kiến thức và định hướng cho các trò trên con đường trưởng thành. Chính vì vậy, học trò của thầy luôn kính trọng và tỏ lòng thành kính: “*Các môn sinh đồng thanh dạ ran. Thế là thầy đi trước, trò theo sau. Các anh có tuổi đi ngay sau thầy, người ít tuổi hơn nhường bước, mấy chú tóc để trái đào đi sau cùng*” [2, tr.94]. Thầy giáo Chu Văn An dẫn theo các môn sinh tới thăm người thầy đã dạy vỡ lòng của mình nói lên thầy Chu không vơ lấy thành công hiện tại về bản thân mình, thành công của rất nhiều người trò là nhờ người thầy đã dạy cho mình: “*Cụ dẫn học trò đi về cuối làng, đến một ngôi nhà tranh đơn sơ nhưng sáng sủa, ấm cúng. Ở hiên trước, một cụ già trên tám mươi tuổi, râu tóc bạc phơ đang ngồi sưởi nắng. Cụ giáo Chu bước vào sân, chắp tay cung kính vái và nói to: – Lạy thầy! Hôm nay con đem tất cả môn sinh đến tạ ơn thầy*” [2, tr.94]. Qua VB, giúp độc giả không chỉ dừng lại ở việc tưởng nhớ, mà còn có trách nhiệm kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp ấy. Từ đó, tác giả muốn nhắc nhở HS cần luôn cố gắng học tập, lao động để xứng đáng với công sức của thế hệ đi trước.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, khi có nhiều thay đổi và thách thức, nối tiếp các thế hệ đi trước không chỉ đơn giản là bảo vệ các giá trị truyền thống mà còn phải thích nghi với những thay đổi đó. “*Tiếp bước cha ông*” đã giúp người đọc hiểu thêm phần nào về cuộc đời của các nhân vật lịch sử tiêu biểu. Đồng thời, chủ đề gợi nhắc người đọc - thế hệ trẻ hiểu rằng mỗi thế hệ hôm

nay cần tiếp nối, xây dựng và phát triển những gì ông cha ta đã tạo dựng nhưng không chỉ là giữ gìn quá khứ mà sáng tạo, đổi mới để phù hợp với bối cảnh hiện đại. Điều đó đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng và trách nhiệm lớn lao đối với tương lai của quê hương, đất nước.

1.2.8. Thế giới của chúng ta

Chủ đề “*Thế giới của chúng ta*” mang đến cho HS cái nhìn sâu sắc và đầy nhân văn về thế giới mà các em đang sống. Thế giới của chúng ta là ngôi nhà chung của nhân loại, trẻ em từ khắp nơi có thể cùng nhau vui đùa mà không phân biệt màu da, dân tộc. Tất cả trẻ em trên thế giới đều bình đẳng, đều có quyền được yêu thương, che chở. Chủ điểm không chỉ mở rộng vốn hiểu biết về môi trường sống, con người và các vấn đề của toàn cầu mà còn được bồi dưỡng tinh thần yêu chuộng hòa bình, ý thức trách nhiệm với cộng đồng và thế giới. Những giá trị như đoàn kết, lòng nhân ái, sự sẻ chia và hành động tích cực vì môi trường được thể hiện một cách gần gũi, giúp HS hình thành tư duy sống đẹp, sống có ích. Chủ điểm có một VB thuộc thể loại truyện đó là: *Những con hạc giấy* – Theo những mẫu chuyện lịch sử thế giới.

“*Những con hạc giấy*” [2, tr.126] đã phơi bày sự thật về hậu quả của vụ ném bom nguyên tử của Mỹ xuống hai thành phố Hi-rô-shi-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật Bản. VB bày tỏ sự bất công, tiếc nuối trước những tâm hồn, những tương lai chưa kịp lớn đã phải gánh chịu hậu quả chiến tranh. Với một khát vọng được hoà bình, vĩnh viễn xoá nhoà con đường, nguồn cơn dẫn tới chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh hạt nhân nguyên tử. Chiến tranh xảy ra đã khiến cho biết bao tâm hồn tuổi thơ của trẻ em bị chịu tổn thương về mặt tinh thần. Cô bé Xa-xa-ki Xa-đa-cô không may bị nhiễm phóng xạ và rồi: “*Từ một cô bé khỏe mạnh, nhanh nhẹn, sức khoẻ của em bị giảm sút nhanh chóng, phải nằm viện để chữa trị*” [2, tr.126]. Một người nhanh nhẹn, hoạt bát giờ đây lại chỉ nằm ở trong bệnh viện để đếm số ngày còn lại của cuộc đời mình nhưng ước nguyện của cô là được sống tiếp để ngắm nhìn thế giới hòa bình này: “*Nằm trong bệnh viện nhắm đếm từng ngày còn lại của đời mình, cô bé ngây thơ tin vào một truyền thuyết nói rằng nếu gấp đủ một nghìn con hạc bằng giấy treo quanh phòng, em sẽ khỏi bệnh. Em liền lặng lẽ nén đau, miệt*

mài gấp hạc” [2, tr.126]. Cô bé đã tin vào một truyền thuyết nói rằng “*Nếu gấp đủ một nghìn con hạc bằng giấy treo quanh phòng, em sẽ khỏi bệnh*” [2, tr.126]. Dù mang trong mình căn bệnh do hậu quả chiến tranh để lại, em vẫn không tuyệt vọng mà luôn giữ niềm tin vào cuộc sống. Đôi bàn tay bé nhỏ gấp hạc giữa những cơn đau của căn bệnh khiến người đọc không khỏi xúc động. Cô bé là hiện thân của lòng dũng cảm, sự kiên cường, nghị lực sống, tinh thần không chịu khuất phục trước cái chết và cũng là tiếng nói tố cáo chiến tranh tàn khốc gây ra. Hình ảnh những con hạc do Xa-đa-cô gấp tượng trưng cho sự hòa bình, khát vọng được sống, tình yêu thương và ước mơ về một thế giới không có chiến tranh. Câu chuyện là lời nhắc nhở về nỗi đau mà chiến tranh gây ra cho con người, đặc biệt là những người bị mắc hậu quả do chiến tranh để lại. Vậy nên chúng ta cần phải yêu thương, kính trọng những người đã giúp cho đất nước ta được ấm no, tự do, hạnh phúc. Con thuyền đi trên biển cần có ngọn Hải Đăng để soi sáng và con người chúng ta sống trong cuộc đời cũng cần có một khát vọng sống, lý tưởng sống cho riêng mình. “*Những con hạc giấy*” giúp người đọc cảm nhận thế giới của chúng ta thật đẹp nhưng cũng thật mong manh. Câu chuyện về Xa-đa-cô - nạn nhân của bom nguyên tử khiến người đọc hiểu rằng chiến tranh không chỉ mang đến mất mát, đau thương mà còn cướp đi tuổi thơ và ước mơ của biết bao người. Những con hạc giấy mà cô bé gấp không chỉ là ước nguyện của riêng em mà còn là khát vọng hòa bình của cả nhân loại.

Thế giới của chúng ta sẽ chỉ thật sự tươi đẹp khi không còn tiếng súng, không còn bom đạn, khi trẻ em ở mọi quốc gia đều được vui chơi, học tập trong tình yêu thương. Dù màu da, ngôn ngữ, văn hóa khác biệt chúng ta đều bình đẳng và đều mong muốn được sống hạnh phúc. Mỗi người, mỗi dân tộc đều là một mảnh ghép làm cho thế giới trở nên đa dạng và tươi đẹp hơn. Thế giới ấy cũng cần được nuôi dưỡng bởi tình đoàn kết, lòng nhân ái và ý thức bảo vệ thiên nhiên - ngôi nhà chung của toàn nhân loại. Chủ đề “*Thế giới của chúng ta*” giúp người đọc càng hiểu rõ hơn về giá trị của hòa bình và sự đoàn kết trong thế giới này. Mỗi chúng ta dù nhỏ bé nhưng có thể góp phần xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn.

TIÊU KẾT CHƯƠNG 1

Ở 8 chủ đề của các VB đọc là đặc điểm nội dung của các VB truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS), tạo nên một phạm vi tri thức rộng lớn. Sự đa dạng này không chỉ khơi gợi và thỏa mãn khao khát tìm tòi, học hỏi của HS mà còn định hướng các em phát triển vốn hiểu biết một cách toàn diện, hoàn toàn phù hợp với trình độ nhận thức của lứa tuổi.

Các chủ đề được sắp xếp một cách hợp lí, có sự liên kết với nhau và tạo thành một mạch nội dung xuyên suốt. Nhờ sự kết nối nội dung này, khả năng tìm hiểu và lĩnh hội của HS được mở rộng. Cụ thể thứ tự đó lần lượt là những kỉ niệm, bài học của chủ đề *“Thế giới tuổi thơ”*; mở mang hiểu biết về thế giới thiên nhiên, giúp HS biết yêu quý, trân trọng môi trường sống thông qua chủ đề *“Thiên nhiên kì thú”*; trong quá trình tự học tự rèn luyện đã mang đến những bài học quý giá của *“Trên con đường học tập”*; cảm nhận được sự sáng tạo và tinh tế của nghệ thuật trong *“Nghệ thuật muôn màu”*; đối với *“Vẻ đẹp cuộc sống”* khai thác khía cạnh sống hoà hợp với thiên nhiên, tình cảm con người, sự thấu hiểu và tha thứ, ý chí vượt khó; ngoài nói về vẻ đẹp của thiên nhiên, nét văn hóa đặc trưng riêng còn gợi nhớ tình yêu quê hương, đất nước của *“Hương sắc trăm miền”*; sự tự hào, lời nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay phải có trách nhiệm giữ gìn, phát huy những giá trị truyền thống có trong *“Tiếp bước cha ông”*; mở rộng tri thức của HS về môi trường và các vấn đề toàn cầu, đồng thời bồi dưỡng tinh thần hòa bình cùng với ý thức trách nhiệm với cộng đồng và thế giới. Nội dung các chủ đề vừa phản ánh thực tiễn cuộc sống và giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam, vừa hướng đến mục tiêu hình thành phẩm chất và năng lực cho HS.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM NGHỆ THUẬT CỦA VĂN BẢN TRUYỆN TRONG SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT LỚP 5

2.1. Cốt truyện

Nghệ thuật muôn màu muôn vẻ, mỗi tác phẩm lại mang trong mình một sứ mệnh cao cả hướng con người đến những giá trị tốt đẹp trong cuộc sống. Để có một tác phẩm hay thì ngoài yếu tố ngôn ngữ, nghệ thuật thì cốt truyện cũng rất quan trọng. Cốt truyện là *“Sự phát triển hành động; tiến trình các sự việc, các biến cố trong tác phẩm tự sự và kịch, đôi khi cả trong tác phẩm trữ tình.”* [11, tr.138]. Ta có thể hiểu cụ thể hơn cốt truyện là yếu tố chính của một tác phẩm, gồm các sự kiện, biến cố và hành động diễn ra trong không gian và thời gian nhất định. Đối với cốt truyện thiếu nhi thường có đặc điểm ngắn gọn, dễ hiểu, ít sự kiện. Ngoài ra, mỗi một thể loại đem đến cho người đọc một thông điệp, hay tâm tư tình cảm tốt đẹp của tác giả đến người đọc. Từ đó tạo nên một bài học sâu sắc đối với độc giả.

2.1.1. Cốt truyện có tình tiết đơn giản, dễ hiểu

Cốt truyện đơn giản, dễ hiểu là cốt truyện không có tình tiết phức tạp, dung lượng ngắn gọn, ít nhân vật, không có hoặc ít mâu thuẫn và kết thúc có hậu. Trong VB *“Thanh âm của gió”* cốt truyện đơn giản nhưng thật độc đáo. Câu chuyện kể về một buổi chiều chăn trâu của bốn nhân vật Bồng, anh trai Bồng, Diệp và Văn bên dòng suối nhỏ với trò chơi thú vị. Sự việc được kể theo trình tự: Các bạn nhỏ chăn trâu bên bờ suối rồi bỗng Bồng phát hiện ra trò chơi *“bịt tai lại nghe tiếng gió”* [1, tr.9]. Từ đó, mỗi bạn lại nghe thấy một âm thanh khác nhau tạo nên sự ngộ nghĩnh, hồn nhiên của trẻ thơ. Tác giả không kể chuyện phức tạp, li kì mà khơi gợi vẻ đẹp ngây thơ của các bạn nhỏ và sự gắn kết giữa con người hòa quyện vào tình yêu thiên nhiên. Nhờ đó ta cũng thấy được tâm hồn của trẻ thơ lúc nào cũng vô tư, trong sáng. Chỉ với cốt truyện đơn giản nhưng thể hiện được sự lan tỏa niềm vui của các bạn nhỏ đến với những người xung quanh hay đó là những món quà do thiên nhiên ban tặng cho chúng ta.

Cốt truyện đơn giản, dễ hiểu còn thể hiện qua VB “*Cánh đồng hoa*”, câu chuyện thật ý nghĩa. VB gồm 4 nhân vật: Ja Ka, Ja Ko, Ja Prok và Như Mơ. Nhóm bạn thường xuyên rủ nhau đến cánh đồng cỏ để vui chơi, múa hát tung bừng. Bỗng một ngày trên đồng cỏ xuất hiện bãi rác và bốc mùi, làm ảnh hưởng đến không khí và môi trường xung quanh. Để giải quyết vấn đề này, các bạn nhỏ trong nhóm đã đưa ra giải pháp đơn giản với ý tưởng của Mur Nho đó chính là “*chúng ta sẽ biến nơi đây thành cánh đồng hoa*” [1, tr.14]. Cách xử lý rất phù hợp và mang lại ý nghĩa tích cực. Từ đó thu hút được sự chú ý của mọi người, cuối cùng từ nơi thường bị đổ rác biến thành địa điểm có nhiều khách du lịch tham quan và nơi đây trở thành những tiếng cười đùa hạnh phúc. Bằng sự sáng tạo, nhà văn tạo nên cốt truyện đơn giản, dễ hiểu không có nhiều chi tiết phức tạp. Đồng thời nhà văn muốn lan tỏa việc làm tích cực để góp phần bảo vệ môi trường.

Trong VB “*Ngôi sao sân cỏ*”, khi xây dựng nhân vật Việt tác giả đã miêu tả một cậu bé hoạt bát, được khu phố công nhận là “*cầu thủ xuất sắc*” [1, tr.31]. Trên sân, Việt luôn giữ bóng cho riêng mình mà không muốn nhường cho người khác ghi bàn vì vậy đã bỏ lỡ cơ hội “*cả sân vỡ òa vì tiếc*” [1, tr.31]. Đến giữa hiệp, khi cả đội góp ý, Việt hăm hăm nói: “*tớ không đá nữa, xem các cậu làm được gì*” [1, tr.31]. Qua chi tiết trên ta thấy Việt là nhân vật nóng nảy, chủ quan và không biết phối hợp với đồng đội của mình. Tuy nhiên, khi ngồi ngoài sân quan sát đồng đội, Việt nhận ra sai lầm và có sự thay đổi cảm xúc. Mọi vấn đề đã được giải quyết, một cậu bé ích kỉ, chưa có tinh thần đồng đội thì bây giờ trở thành người hiểu chuyện và rất ăn ý với đồng đội khi thi đấu. Từ cách xây dựng nhân vật Việt, ta thấy gần gũi cũng giống như lứa tuổi HS Tiểu học vậy. Lứa tuổi dễ bị xúc động và giận dỗi, có lúc cãi vã nhưng cũng nhanh chóng làm hòa và quên đi mâu thuẫn. Câu chuyện có cốt truyện đơn giản, dễ hiểu bởi cách tạo ra mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn rất tự nhiên. Giải quyết mâu thuẫn bằng cách để Việt tự nhận ra sai lầm của mình. Chính sự thay đổi hành động và nhận thức của Việt đã

khiến cho câu chuyện kết thúc có ý nghĩa và vui vẻ. Đồng thời nhà văn cho người đọc thấy được tinh thần đồng đội trong cuộc sống.

Có thể nói cốt truyện trong các VB đọc trong chương trình Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) hầu hết đều đơn giản, dễ hiểu. Điều này hoàn toàn phù hợp với lứa tuổi HS Tiểu học, giúp các em ban đầu tiếp cận với các VB văn học không bị khó hiểu mà cảm thấy thích thú và hấp dẫn người học. Đồng thời khi giảng dạy, giáo viên cần nắm rõ đặc điểm cốt truyện của từng VB để có phương pháp giảng dạy hiệu quả.

2.1.2. Cốt truyện tuyến tính

Cốt truyện tuyến tính là *“Cốt truyện mà ở đó, nhà văn kể chuyện với bạn đọc theo một trình tự thời gian thông thường, chuyện gì trước kể trước, chuyện gì sau kể sau, các sự kiện được triển khai liên tục, tạo nên kịch tính cho câu chuyện”* [21].

VB *“Kì diệu rừng xanh”* được viết theo cốt truyện tuyến tính, câu chuyện kể lại hành trình khám phá khu rừng của các bạn nhỏ. Mở đầu, người kể đã đem lại những điều kì diệu: *“một thành phố nằm lúp xúp dưới bóng cây thưa. Những chiếc nấm to bằng cái ấm tích, màu sắc sặc sỡ”* [1, tr.51]. Đây là điểm khởi đầu của chuyến khám phá với cảm xúc ngạc nhiên trước cảnh vật nơi đây *“cảm giác mình là một người khổng lồ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon”* [1, tr.51]. Mọi hình ảnh được miêu tả sinh động giống như một thước phim ghi lại chuyến hành trình thú vị. Tiếp theo, câu chuyện diễn biến theo mạch thời gian khi cả đoàn dần đi sâu vào rừng: *“Nắng trưa đã rọi xuống đỉnh đầu mà rừng sâu vẫn ẩm lạnh, ánh nắng lọt qua lá trong xanh”* [1, tr.51]. Cùng với cảnh vật đó chính là sự chuyển động nhẹ nhàng của các con vật: vượn bạc, chồn, sóc. Cuối cùng, nhà văn miêu tả rừng khộp màu vàng đặc trưng với sự kết hợp của lá úa vàng, mấy con mang vàng đang ăn cỏ non và ánh nắng trên lưng chúng. VB trên, tác giả không chỉ đưa người đọc đi qua từng chặng đường của rừng, mà còn khéo léo đưa họ trải qua từng cung bậc cảm xúc từ ngạc nhiên đến thích thú và rồi đắm mình trong vẻ đẹp huyền ảo của rừng xanh. Qua cốt truyện tuyến tính, nhà văn giúp

người đọc cảm nhận được hành trình khám phá thiên nhiên kì diệu làm say đắm lòng người và như đang đồng hành từng chặng đường cùng với các nhân vật trong truyện. Cốt truyện tuyến tính khiến cho bức tranh rừng xanh hiện ra tự nhiên, sinh động và chân thực. Đồng thời làm nổi bật tình cảm của con người dành cho thiên nhiên.

Câu chuyện truyền cảm hứng của nhân vật Giô-an Rô-ling trong VB *“Trí tưởng tượng phong phú”* là cốt truyện tuyến tính kể về hành trình thực hiện ước mơ từ tuổi thơ ấu cho đến khi trưởng thành. Mở đầu truyện là thời thơ ấu của Rô-an, một cô bé có trí tưởng tượng phong phú, thường tự nhiều câu chuyện và kể cho em gái của mình. Chỉ với những chi tiết nhỏ cô cũng có thể nghĩ ra một câu chuyện. Đó cũng là lần đầu tiên Giô-an ấp ủ ước mơ trở thành nhà văn. Tiếp theo, câu chuyện kể về quãng thời gian trưởng thành của Giô-an: *“Sau khi tốt nghiệp đại học, Giô-an làm việc tại một công ty nhưng trong đầu cô luôn tràn ngập những câu chuyện”* [1, tr.128], cô đã nảy sinh ra ý tưởng viết truyện về cậu bé Ha-ri Pôt-tơ trên chuyến tàu. Cuối cùng, một năm trôi qua Giô-an viết xong tập truyện đầu tiên. Cô gửi bản thảo đến nhiều nhà xuất bản nhưng họ đều từ chối, may mắn một nhà xuất bản đã nhận lời và tác phẩm của cô thu hút được sự chú ý của trẻ em trên toàn thế giới. Giô-an trở thành nhà văn nổi tiếng. Toàn bộ câu chuyện từ mở đầu cho đến khi kiến thúc kể về cuộc đời của Giô-an trên hành trình chạm đến ước mơ của mình: Từ cô bé giàu trí tưởng tượng đến theo đuổi ước mơ và đạt được thành công. Qua cách viết cốt truyện tuyến tính đã làm nổi bật lên quá trình trưởng thành và nuôi dưỡng ước mơ của nhân vật Rô-an. Các sự kiện được sắp xếp theo trình tự thời gian khiến cho câu chuyện trở nên chân thực, tự nhiên và gần gũi.

Với cách xây dựng cốt truyện tuyến tính sẽ giúp cho HS Tiểu học biết cách tóm tắt VB dễ dàng hơn, bởi các sự kiện được sắp xếp như *“dòng chảy”* tự nhiên. Khi đó HS sẽ học được cách tư duy theo trình tự, biết liên kết sự việc một cách hợp lí, góp phần hình thành năng lực tư duy logic, một nền tảng quan trọng cho việc học ngôn ngữ và các môn học khác. Cốt truyện tuyến tính với mạch kể đơn giản giúp HS dễ theo dõi, tiếp nhận nội dung một cách tự

nhân, nắm bắt được diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật. Qua đó, hình thành phẩm chất đạo đức cho HS thông qua câu chuyện của các nhân vật.

2.2. Nghệ thuật xây dựng nhân vật

Nhân vật chính là linh hồn của tác phẩm, là cầu nối giữa nhà văn với người đọc. Thông qua đó, nhân vật góp phần truyền đạt tư tưởng của nhà văn đến bạn đọc. Nhân vật văn học là *“một đơn vị nghệ thuật, nó mang tính ước lệ, không thể bị đồng nhất với con người có thật, ngay khi tác giả xây dựng nhân vật với những nét rất gần gũi với nguyên mẫu có thật”* [11, tr.304]. Nghệ thuật xây dựng nhân vật chính là quá trình nhà văn tạo ra những hình tượng con người trong tác phẩm của mình. Nhà văn Nga M.Gorki từng nhận định: *“Văn học là nhân học”*. Đúng vậy, văn học bao giờ cũng phản ánh cuộc sống của con người qua lăng kính chủ quan và mỗi nhà văn lại có cách xây dựng nhân vật riêng để làm nổi bật ý đồ của mình muốn gửi gắm đến độc giả.

Nhân vật là một trong những yếu tố trọng tạo nên sự hấp dẫn và giá trị của một tác phẩm. Trong mỗi VB truyện, nhân vật không chỉ đơn giản là những con người được miêu tả mà còn đóng vai trò là *“trụ cột”*, góp phần truyền tải thông điệp của tác giả đến người đọc. Đồng thời xây dựng nhân vật giúp cho câu chuyện thêm sinh động, gần gũi, dễ hiểu.

2.2.1. Xây dựng nhân vật qua miêu tả ngoại hình

Xây dựng nhân vật qua miêu tả ngoại hình là cách nhà văn khắc họa nhân vật trong tác phẩm của mình thông qua hình dáng, cử chỉ, hành động... tùy vào thông điệp nhà văn muốn gửi gắm mà có cách xây dựng nhân vật của riêng mình. Khi đọc VB *“Hành tinh kì lạ”*, tác giả xây dựng ngoại hình của người ngoài hành tinh có rất nhiều điểm khác biệt so với người Trái đất. Hai người xuất hiện đầu tiên với hình dáng: *“hai người ăn mặc như sĩ quan bước vào”* [1, tr.41], điều đó cho họ có tổ chức và quy củ. Tuy nhiên, điều khiến nhân vật *“tôi”* ngạc nhiên hơn cả đó chính là ngoại hình bên ngoài của họ, tác giả không miêu tả khuôn mặt hay hình dáng mà tập trung vào những đặc điểm nổi bật: *“Da của họ có nhiều màu: hồng, ánh xanh, vàng nghệ hoặc tím,... Vài người kéo cao tay áo, để lộ những cánh tay bằng thép”* [1, tr.42]. Da của

họ có nhiều màu sắc lạ, đặc biệt “*những cánh tay bằng thép*” thể hiện sự khác biệt rõ rệt giữa người ngoài hành tinh và con người. Tuy cuộc sống nơi đây hiện đại nhưng lại mang cho các nhân vật cảm giác lạnh lẽo, thiếu sức sống. Dưới ngòi bút đầy sáng tạo, nhà văn tạo nên hình ảnh ấn tượng sâu sắc đối với người đọc và nhấn mạnh sự khác biệt giữa thế giới máy móc vô cảm và Trái đất thiên nhiên ấm áp đầy tình thương.

Em bé Nai Ngọc trong VB “*Tiếng hát của người đá*” được miêu tả với vẻ đẹp trong sáng, huyền diệu: Từ một mỗm đá xanh giống hình em bé cười voi, sau bao năm hấp thụ tia nắng vàng dịu, những hạt mưa trong vắt, những câu chuyện của gió mỗm đá ấy “*khẽ cựa quậy, rồi từ từ biến thành một em bé xinh đẹp*” [2, tr.8]. Những chi tiết trên cho ta thấy được sự xuất thân của Nai Ngọc không giống như người bình thường mà là sự kết tinh của thiên nhiên. Mặc dù nhà văn không miêu tả chi tiết khuôn mặt nhưng người đọc cảm nhận được em là người vẻ đẹp trắng trẻo, thánh thiện. Ngoài ra, khi em dùng giọng hát của mình để đánh đuổi giặc cho thấy em là người khỏe mạnh, dũng cảm dám đứng lên giúp đỡ dân làng. Bằng cách xây dựng hình tượng nhân vật độc đáo, nhà văn muốn ca ngợi sức mạnh kì diệu của thiên nhiên và cái thiện luôn chiến thắng cái ác. Đồng thời thể hiện khát vọng ấm no, hạnh phúc, hòa bình.

Đến với nhân vật Giô-an Rô-linh trong VB “*Trí tưởng tượng phong phú*”, tác giả lại mang đến cho người đọc một cảm giác mới lạ. VB không miêu tả trực tiếp hình dáng bên ngoài của Giô-an nhưng qua cử chỉ và cách kể chuyện cho em gái mình cho ta thấy cô rất thông minh và tràn đầy sức sống: “*Giô-an thường nghĩ ra nhiều câu chuyện và kể cho em gái nghe. Chỉ cần nhìn thấy một chú thỏ là Giô-an có ngay một câu chuyện*” [1, tr.127]. Chi tiết trên còn cho ta thấy được Giô-an có trí tưởng tượng phong phú và có đam mê với văn chương. Sau khi tốt nghiệp và làm cho một công ty nhưng trong tâm trí cô vẫn ngập tràn những câu chuyện. Cô đã sáng tác ra tập truyện Ha-ri Pôt-tơ và được nhiều người quan tâm, chào đón. Dưới ngòi bút sáng tạo của tác giả đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Giô-an Rô-linh, một cô bé

nuôi dưỡng ước mơ và theo đuổi đến cùng. Nhờ đó mà cô đã thành công và trở thành một nhà văn nổi tiếng.

Mỗi tác phẩm văn học là sự phản ánh hiện thực khách quan thông qua lăng kính chủ quan của người nghệ sĩ. Cách xây dựng ngoại hình nhân vật của nhà văn góp phần truyền tải thông điệp trọn vẹn và ấn tượng đến người đọc. Bên cạnh đó miêu tả ngoại hình nhân vật giúp cho câu chuyện thêm sinh động, người đọc hiểu được phần nào tính cách của nhân vật và tăng khả năng quan sát cho HS.

2.2.2. Xây dựng nhân vật qua khắc họa hành động, tính cách

Xây dựng nhân vật qua khắc họa hành động, tính cách là cách nhà văn tạo hình tượng nhân vật thông qua việc làm, cách ứng xử trong các tình huống, lời nói... Trong VB *“Ngôi sao sân cỏ”*, khi xây dựng nhân vật Việt tác giả đã miêu tả một cậu bé hoạt bát, được khu phố công nhận là *“cầu thủ xuất sắc”*. Trên sân, Việt luôn giữ bóng cho riêng mình mà không muốn nhường cho người khác ghi bàn vì vậy đã bỏ lỡ cơ hội *“cả sân vỡ òa vì tiếc”*. Đến giữa hiệp, khi cả đội góp ý, Việt hăm hăm nói: *“tớ không đá nữa, xem các cậu làm được gì”*. Qua chi tiết trên ta thấy Việt là nhân vật nóng nảy, chủ quan và không biết phối hợp với đồng đội của mình. Tuy nhiên, khi ngồi ngoài sân quan sát đồng đội của mình, Việt nhận ra sai lầm và có sự thay đổi cảm xúc. Mọi vấn đề đã được giải quyết, một cậu bé ích kỉ, chưa có tinh thần đồng đội thì bây giờ trở thành người hiểu chuyện và rất ân ý với đồng đội khi thi đấu. Từ cách xây dựng nhân vật Việt, ta thấy gần gũi cũng giống như lứa tuổi HS Tiểu học vậy. Lứa tuổi dễ bị xúc động và giận dỗi, có lúc cãi vã nhưng cũng nhanh chóng làm hòa và quên đi mâu thuẫn. Tác giả muốn gửi gắm thông điệp đến người đọc một bài học sâu sắc: sức mạnh của tinh thần tập thể và sự phối hợp ăn ý giữa đồng đội với nhau thay vì chỉ dựa vào bản thân mình để thành công.

Nhân vật Loan trong câu chuyện *“Bộ sưu tập độc đáo”* là một cô bé sáng tạo, giàu tình cảm. Khi được thầy Dương giao nhiệm vụ sưu tầm một món đồ để ra Tết triển lãm, ai trong lớp cũng chọn cho mình những món đồ

quen thuộc: *“Long cười rất “oách” vì cậu ấy là “vua” tem trong lớp. Khánh cũng đặc ý vì cậu ấy chuyên sưu tầm kẹp sách”* [1, tr.36]. Còn Loan về nhà, Loan cứ nghĩ mãi: *“Sưu tầm cái gì thật ý nghĩa được nhỉ?”* [1, tr.36]. Qua chi tiết đó, ta thấy được Loan là một người rất cẩn thận, không muốn làm qua loa mà muốn tìm ra một điều gì đó thật đặc biệt để triển lãm. Ý tưởng sưu tầm giọng nói của các bạn trong lớp thể hiện trí tưởng tượng phong phú của Loan, hành động của cô ấy còn bộc lộ là người luôn yêu thương và chia sẻ với bạn bè. Thay vì sưu tầm những thứ quen thuộc, Loan lại mang đến những điều mới lạ cho cả lớp để có thể lưu giữ kí ức tuổi học trò. Thông qua cách xây dựng hành động và tính cách của nhân vật Loan, nhà văn cho thấy được sự hồn nhiên ngây thơ của lứa tuổi HS và lan tỏa những điều tích cực với mọi người xung quanh.

Nhân vật Mát trong VB *“Khu rừng của Mát”* là hình ảnh đẹp của một chàng trai trẻ giàu nghị lực và có tấm lòng hiếu thảo. *“Mát cùng ông chăm sóc rừng cây. Dưới sự chỉ dạy của ông, Mát nhớ được tên và đặc tính của nhiều loại cây”* [2, tr.38]. Trước khi mất, ông đã gửi gắm trang trại cho Mát, Mát hứa sẽ bảo vệ trang trại thật tốt. Những chi tiết trên thể hiện Mát là người chăm chỉ, ham học hỏi, có lòng hiếu thảo và trách nhiệm. Tuy nhiên, biến cố ập đến làm cả khu rừng bốc cháy, Mát rơi vào tuyệt vọng: *“Mát đau xót và kiệt sức, ngất lịm đi”* [2, tr.39]. Thế nhưng nhờ lời khuyên giản dị của bà lão, Mát đã bừng tỉnh và quyết tâm sẽ khôi phục lại trang trại. Qua đó, người đọc thấy được ý chí mạnh mẽ và tinh thần kiên cường của Mát, biết vượt qua những thử thách để giữ lời hứa với ông của mình. Ngoài ra, cậu còn là người thông minh, sáng tạo khi nghĩ ra ý tưởng tận dụng những cây cháy đen biến chúng thành than củi và bán lấy tiền. Thời gian sau khu rừng đã xanh mướt trở lại. Qua những hành động, ta thấy Mát là người cháu hiếu thảo, yêu thiên nhiên, sống có trách nhiệm và hơn hết là người kiên cường, có ý chí, nghị lực. Đó cũng là hình tượng đẹp nhà văn muốn gửi gắm đến người đọc.

Hình ảnh nhân vật Tân trong VB *“Hộp quà thiên thanh”*, cậu là một HS ngoan ngoãn, hiếu thảo. Hành động bê ngô giúp mẹ khiến mình đi học

muộn cho thấy cậu là người chăm chỉ, biết giúp đỡ gia đình. Cô giáo hỏi lý do, Tân áp úng, mặt nóng ran vì xấu hổ – điều đó thể hiện Tân là người biết biết suy nghĩ và nhận ra lỗi sai. Lời khuyên của cô giáo đã khiến Tân suy nghĩ và tự hứa sẽ không đi học muộn nữa. Điều đó làm Tân thay đổi trong hành động: *“dậy sớm hơn để học bài, tranh thủ các buổi chiều nghỉ học, Tân giúp mẹ việc nhà,...”* [2, tr.22]. Sự kiên trì ấy giúp cậu được cô giáo khen vì có nhiều tiến bộ, chứng tỏ Tân là HS biết lắng nghe, cầu tiến và có ý chí vươn lên. Chúng ta thấy Tân là một cậu HS có tình cảm sâu sắc dành cho mẹ, dành cho cô giáo. Khi viết thư cho cô, Tân cũng không khoe khoang thành tích của mình mà chân thật kể về kỉ niệm đáng nhớ. Đó như là một lời cảm ơn tới cô giáo của mình. Qua những chi tiết trên, ta thấy nhân vật Tân được tạo nên là cậu HS biết yêu thương gia đình, sống có trách nhiệm, giàu cảm xúc. Nhân vật gợi cho người đọc cảm giác ấm áp và tình cảm thắm thiết giữa cô và trò.

Việc xây dựng nhân vật qua khắc họa hành động, tính cách có ý nghĩa quan trọng bởi qua đó HS nhận biết và hiểu sâu hơn về cuộc sống xung quanh và con người. Nhân vật trong truyện thường có phẩm chất tốt đẹp từ đó hướng HS đến những tình cảm đúng, tình cảm lớn thoát ra khỏi những thứ tầm thường, ích kỉ. Nhờ vậy, mỗi VB truyện là một bài học nhẹ nhàng mà sâu sắc đối với mỗi HS.

2.3. Giọng điệu

Giọng điệu là *“thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân, sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm... Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mĩ của tác giả, có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc. Thiếu một giọng điệu nhất định, nhà văn chưa thể viết ra được tác phẩm, mặc dù đã có đủ tài liệu và sắp xếp xong hệ thống nhân vật.”* [12, tr.69]. *“Bàn về những sáng tác viết cho thiếu nhi, Vũ Ngọc Phan từng nói: “Văn viết cho trẻ con là một thứ văn khó viết. Chẳng những phải*

sáng suốt, ngây thơ mà cần có giọng kể chuyện ngọt ngào nữa” [7, tr.43]. Thật vậy, trong các VB truyện của sách Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) nổi bật với giọng điệu thủ thỉ, thân tình và giọng điệu ngây thơ, hồn nhiên.

2.3.1. Giọng điệu thủ thỉ, thân tình

Giọng điệu thủ thỉ, thân tình là cách biểu đạt trong văn học giống như lời tâm sự, trò chuyện gần gũi, nhẹ nhàng và chân thành, chứa đựng nhiều tình cảm sâu nặng của tác giả, nhằm tạo sự gắn kết, đồng cảm và dễ tiếp nhận nơi người đọc. Giọng điệu thủ thỉ, thân tình trong văn học là một công cụ mạnh mẽ giúp các bài học trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận với HS. Khi tác giả sử dụng giọng văn này, họ không chỉ đơn thuần truyền đạt kiến thức mà còn tạo ra một không gian trò chuyện, tâm sự, khiến người đọc cảm thấy như đang được một người bạn, một người thân chỉ bảo.

Giọng điệu thân tình, thủ thỉ trước hết thể hiện qua sự hồi tưởng kỷ niệm của nhân vật. Trong VB *“Từ những câu chuyện ấu thơ”* giọng điệu thân tình bắt đầu từ những lời hồi tưởng rất chân thật và mộc mạc về tuổi thơ. Tác giả không dùng lời văn hoa mỹ mà kể lại một cách tự nhiên về những câu chuyện đầu tiên được nghe từ bà và chú. Giọng văn trở nên thân tình nhất khi tác giả tiết lộ những cảm xúc mạnh mẽ mà sách đã mang lại: *“Tôi khóc cười qua những trang sách, ngạc nhiên thấy mình trải qua những cảm xúc mà trên thực tế, tôi chưa đủ lớn để trải nghiệm ngoài đời”* [1, tr.111]. Đây là một lời thú nhận rất thật, cho thấy sách không chỉ là phương tiện giải trí mà đã trở thành một phần của tâm hồn, giúp tác giả trưởng thành về mặt cảm xúc. *“Tôi vẫn luôn biết ơn cả nhà đã tạo cho tôi thói quen đọc sách một cách tự nhiên như vậy”* [1, tr.111] không chỉ thể hiện sự biết ơn đối với gia đình mà còn bộc lộ một tình yêu và sự trân trọng sâu sắc đối với sách, một tình yêu *“như cỏ cây khát ánh sáng và khí trời”* [1, tr.111].

Nhân vật “tôi” trong VB *“Giỏ hoa tháng năm”* của Minh Hương [2, tr.26] kể lại câu chuyện hoàn toàn từ góc nhìn và cảm nhận cá nhân. Điều này tạo ra một sự gần gũi, chân thực khiến người đọc như đang nghe một lời tâm

sự. Tác giả không ngần ngại bộc lộ cảm giác “*bị bỏ rơi*” [2, tr.26] và khoảnh khắc “*oà khóc nức nở*” [2, tr.26] những cảm xúc này rất đời thường và chân thật, giúp người đọc dễ dàng đồng cảm. Giọng điệu thân tình còn được thể hiện qua sự thấu hiểu của hai nhân vật chính. Dù giận nhau, nhưng món quà bí mật của “*tôi*” và lời nhắn nhủ “*hi vọng cậu không còn giận mình!*” [2, tr.27] của Pam đã cho thấy hai người vẫn luôn nghĩ về nhau. Lời rút ra cuối cùng “*Là bạn bè đích thực, ta sẽ đặt bạn trong tim nhưng không buộc họ luôn ở bên mình*” [2, tr.27]. Giọng điệu không còn là của một đứa trẻ mà đã trở thành giọng điệu của một người trưởng thành, ngậm ngùi và thấu hiểu những giá trị của cuộc sống.

Trong VB “*Tập hát quan họ*” của Nguyễn Phan Hách [1, tr.136] hồi tưởng kỉ niệm “*ngày nào cũng đến nhà bà Trương*” [1, tr.136] để tập hát làn điệu quan họ. Những lời tâm sự của tác giả còn chan chứa cảm xúc, thấm đượm chất trữ tình. Khi miêu tả cảnh vật, lời văn trở nên mềm mại, dịu dàng: “*trời se se, nắng ấm xuyên qua tàng cây rơi lổ đổ xuống thảm lá khô*” [1, tr.136]. Khi nói về làn điệu quan họ, giọng kể lại uyển chuyển, ngân nga theo âm nhạc: “*tiếng hát phải như nước suối thượng nguồn, róc rách, từ từ, nhưng trong vắt, tinh khôi*” [1, tr.137]. Đặc biệt, ở đoạn kết, nỗi lưu luyến cất thành lời: “*tâm trí tôi vẫn cứ ngân nga điệp khúc da diết... tôi vẫn mong ngóng đến ngày...*” [1, tr.137] – vừa tha thiết vừa day dứt, làm giọng văn thêm lắng sâu, thấm đẫm tình cảm. Nhờ giọng kể thân tình, thủ thỉ ấy, đoạn văn không chỉ gợi lại khung cảnh sinh hoạt quan họ cổ truyền mà còn khắc họa một thế giới đầy kỉ niệm và cảm xúc và một tấm lòng gắn bó tha thiết với quan họ, với tuổi thơ và với những khung trời kỉ niệm đã xa.

Giọng điệu thể hiện tình yêu quê hương đất nước qua những điều nhỏ bé. Trong VB “*Những búp chè trên cây cổ thụ*” của Nguyên Hương [2, tr.48] là lời của người bạn kể về Thảo A Sùng người có tình yêu và nỗi trăn trở của cậu dành cho quê hương. Lời kể xen lẫn cảm nhận: “*với giọng tự hào*”, “*cậu luôn trăn trở*” [2, tr.48]. Đây không phải chỉ là thuật lại sự việc mà còn cho thấy sự đồng cảm sâu sắc của người kể với tình cảm của bạn. Giọng điệu thân

tình ấy còn thể hiện rõ trong cách tái hiện lời nói và ước mơ của Thảo A Sùng. Khi người kể viết: *“Trong mắt cậu, tôi như thấy những đôi chè bặt ngàn, thân cây đâm sương còn ngọn vươn cao đón nắng”* [2, tr.49], giọng văn trở nên trữ tình, tha thiết. Ở đây, người đọc không chỉ thấy một nụ cười, một ánh mắt, mà còn cảm nhận cả một thế giới chan chứa hi vọng và yêu thương.

Giọng điệu thân tình, thủ thi là yếu tố tạo nên sự gắn kết giữa nhân vật và người đọc. Trong sách Tiếng Việt lớp 5 (Bộ KNTTVCS) giọng điệu này được thể hiện qua sự hồi tưởng của nhân vật về tuổi thơ và tình yêu quê hương đất nước qua những điều nhỏ bé. Chính nhờ giọng điệu như lời tâm sự này vượt lên trên chỉ kể lại câu chuyện mà còn truyền tải giá trị tinh thần, cảm xúc của nhân vật đến với người tiếp nhận.

2.3.2. Giọng điệu ngây thơ, hồn nhiên

Trong văn học thiếu nhi, giọng điệu ngây thơ, hồn nhiên luôn là yếu tố quan trọng tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt. Qua nhiều tác phẩm, nét hồn nhiên ấy được thể hiện rõ ràng ở hội thoại của nhân vật, ở những suy nghĩ đơn sơ mà chân thành, cũng như trong cách đặt tên nhân vật ngộ nghĩnh và cách sử dụng ngôn từ giàu chất trẻ thơ. Chính sự ngây thơ ấy đã thổi vào trang văn sức sống trẻ trung, khiến cho văn học thiếu nhi trở thành miền đất kì diệu nuôi dưỡng tâm hồn bạn đọc nhỏ tuổi, đồng thời làm rung động trái tim cả người lớn.

Trước hết, nét hồn nhiên của giọng điệu thể hiện một cách nổi bật qua lời thoại của nhân vật. Trong VB *“Thanh âm của gió”* của Văn Thành Lê [1, tr.8]. Những câu cảm thán như *“Ồ, em bịt tai lại nghe tiếng gió lạ lắm”* [1, tr.9] hay *“Đúng rồi, tớ cũng nghe thấy tiếng gió thổi hay lắm”* [1, tr.9] bộc lộ một cách tự nhiên sự hào hứng và say mê của các em khi khám phá thế giới xung quanh. Việc lặp lại các từ như *“vui, vui, vui”* [1, tr.9] hay *“cười, cười, cười”* [1, tr.9] và *“đói, đói, đói”* [1, tr.9] không chỉ gợi tả âm thanh của gió mà còn phản chiếu một cách chân thực và sống động sự hồn nhiên, rộn ràng của tuổi thơ. Nhờ vào những lời thoại và hành động này, trò chơi bịt tai nghe gió hiện lên như một bức tranh đầy màu sắc về thế giới nội tâm tinh nghịch, dí

dỏm và vô cùng trong sáng của các em nhỏ. Những câu nói ngắn gọn, đầu đơn sơ nhưng chứa chan trí tưởng tượng và niềm tin trong trẻo.

VB *“Sự tích chú Tễu”* của Trần Quốc Toàn [1, tr.153] giọng điệu hồn nhiên còn thể hiện qua lời giải thích về lý do mẹ khuyên đi học. Tễu thuật lại lời mẹ một cách vô tư, lồng ghép sự hài hước một cách duyên dáng: *“Mẹ con ạ. Mẹ con bảo tới đây “không đẹp nay thì đẹp mai, học cười má phấn có hai đồng tiền”* [1, tr.153]. Tiếng cười *“ha ha”* của ông Quán xuất hiện ngay sau khi nghe anh Tễu giải thích động cơ học nghề, tiếng cười còn thể hiện sự chấp nhận của người thầy đối với sự ngây thơ, thậm chí là sự hài hước ngô nghê của học trò làm cho không khí cuộc nói chuyện trở nên vui vẻ.

Đặc biệt, trong VB *“Những búp chè trên cây cổ thụ”* của Nguyên Hương [2, tr.48]. Lời nói của Thảo A Sùng, giọng điệu hồn nhiên ấy trở thành một khát vọng đẹp đẽ: *“Em ước làm kĩ sư nông nghiệp để giúp bản trồng được nhiều chè hơn. Em sẽ mang chè Tà Xùa đi khắp thế giới”* [2, tr.49]. Lời ước mơ cất lên mộc mạc, trong sáng và tha thiết, cho thấy tâm hồn trẻ thơ luôn hướng về tương lai với niềm tin giản dị mà lớn lao.

Không chỉ ở lời thoại, giọng điệu ngây thơ còn khắc họa rõ nét tâm hồn trẻ thơ qua những cảm xúc chân thành và phản ứng tự nhiên của nhân vật. Trong *“Ngôi sao sân cỏ”* [1, tr.31], cậu bé cảm thấy *“nóng bừng mặt”* [1, tr.32] khi nhận ra lỗi ích kỉ của mình. Cảm giác ấy không phải là sự hối hận sâu sắc của người trưởng thành, mà chỉ là nỗi xấu hổ rất trẻ con, vừa thoáng qua vừa thật thà. Hoặc trong VB *“Bộ sưu tập độc đáo”* theo Trương Chi Lộ, Ngọc Khánh dịch [1, tr.36] bạn Loan đã nảy ra ý tưởng rất mới lạ: sưu tầm giọng nói của cả lớp. Ý tưởng vừa bất ngờ, vừa giản dị, lại vừa toát lên khát vọng giữ gìn kỷ niệm trong sáng của tuổi học trò. Mỗi giọng nói, mỗi câu chúc đều là mảnh ghép thân thương của tập thể lớp, lưu giữ tình bạn, tình thầy trò trong một giai đoạn sắp khép lại. Em muốn dùng giọng nói để níu giữ khoảnh khắc, để sau này mỗi khi nghe lại, ai cũng bồi hồi nhớ về quãng đời học trò đẹp nhất. Nhân vật Long nói: *“Chúc ai có tật thì sửa, không có thì bỏ qua”* [1, tr.37] lời chúc đã thể hiện cách nhìn đời không hề phức tạp, không

gắn với sự trách móc, mà đầy khoan dung và vui vẻ. Chính sự nghịch ngợm, dí dỏm ấy đã tạo nên một khoảnh khắc đáng nhớ. Cả lớp cười vang, bản thân Long cũng “ôm bụng cười” trước tiếng nói của chính mình. Trong VB “*Hộp quà màu thiên thanh*” của Nguyễn Thu Hằng [2, tr.22], Tân kể lại chuyện đi học muộn với sự lúng túng ngượng ngùng, rồi tự hứa “*sẽ không đi học muộn nữa*” [2, tr.22]. Lời hứa ấy tuy giản dị, thậm chí có phần ngây thơ, nhưng chính sự trong sáng ấy lại khiến người đọc cảm thấy vừa tin tưởng, vừa thấy đáng yêu. Đối với nhân vật Thảo A Sùng, nỗi băn khoăn “*cây chè còn ít, nên không được nhiều người biết đến*” [2, tr.49] cũng chính là một nỗi buồn trẻ thơ. Nó không mang dáng dấp của sự toan tính kinh tế mà chỉ là niềm thương yêu dành cho quê hương. Những suy nghĩ ấy cho thấy giọng kể đã khéo léo nêu ra rung động non nớt, mỏng manh mà trong sáng nhất của tuổi nhỏ.

Ngoài ra, giọng điệu ngây thơ, hồn nhiên còn ánh lên qua cách đặt tên nhân vật. Trong VB “*Thanh âm của gió*” của Văn Thành Lê [1, tr.8] việc đặt tên nhân vật là Bóng khiến người đọc ngay lập tức hình dung ra một cô bé có nét đáng yêu, gần gũi. Tên gọi này dễ nhớ, gần gũi giống như cách người lớn trong gia đình hay gọi trẻ nhỏ. “*Bóng*” còn là một tên thường gắn với hình ảnh cá bóng của cô Tấm. Hay trong VB “*Sự tích chú Tễu*” của Trần Quốc Toàn [1, tr.153] cái tên “*Tễu*” không chứa đựng hàm ý tượng trưng phức tạp, mà phản ánh bản chất và vị trí chức năng của nhân vật trong hệ thống văn hóa dân gian Việt Nam. Tên “*Tễu*” được giải thích ngay trong đoạn trích: “*Tễu có nghĩa là cười*” [1, tr.153] điều này khẳng định bản chất của nhân vật gắn liền với niềm vui và sự hóm hỉnh. Tác giả đã sử dụng một danh xưng đã đi vào tiềm thức văn hóa dân gian - chú Tễu là nhân vật hề mở màn, hoạt bát, ngây thơ trong nghệ thuật múa rối nước. Trong VB “*Tiếng hát của người đá*” [2, tr.8] tên “*Nai Ngọc*” được đặt một cách hồn nhiên, gắn kết nhân vật với thiên nhiên. Hình ảnh “*Nai*” gợi một loài vật hiền lành cùng với “*Ngọc*” biểu tượng cái đẹp, sự quý giá, tinh khiết đã tạo nên một cái tên vừa dễ nhớ vừa hàm chứa ý nghĩa sâu sắc: sự trong sáng, dịu dàng và vẻ đẹp tinh thần đáng trân trọng. Cái tên này hoàn toàn tương thích với nhân vật được sinh ra từ

mỏm đá của núi rừng Tây Nguyên, được dân làng yêu quý, có giọng hát truyền cảm, và củng cố chủ đề tôn vinh vẻ đẹp của con người và thiên nhiên trong tác phẩm.

Có thể khẳng định rằng nét hồn nhiên, ngây thơ của trẻ em không chỉ là một đặc điểm tâm lý, mà còn là một chất liệu nghệ thuật vô giá trong văn học thiếu nhi. Tiếp cận văn học với giọng điệu hồn nhiên tạo điều kiện cho HS nhận thấy sự tương đồng giữa cuộc sống nhân vật và trải nghiệm cá nhân. Điều này giúp các em không chỉ hứng thú hơn với bài học mà còn biến VB thành một công cụ tự khám phá, từ đó giúp các em hiểu sâu sắc hơn về chính mình và thế giới xung quanh.

2.4. Ngôn ngữ truyện

Ngôn ngữ là chất liệu cơ bản của văn học vì vậy văn học được gọi là loại hình nghệ thuật ngôn từ. Đến với các VB thuộc thể loại truyện các em được tiếp xúc với kho tàng ngôn ngữ đẹp đẽ sinh động của dân tộc. Ngôn ngữ không đơn thuần chỉ là phương tiện giao tiếp trong cuộc sống mà nó còn là công cụ giúp nhà văn, nhà thơ bộc lộ, thể hiện cảm xúc, sáng tạo nghệ thuật một cách chân thật. Ngôn ngữ là yếu tố đầu tiên của văn học, M.Gorki khẳng định: *“Ngôn ngữ là yếu tố thứ nhất của văn học”* [12, tr.117]. Ngôn ngữ là cầu nối giữa nhà văn và người đọc, người đọc không chỉ hiểu mà còn cảm nhận được cảm xúc của nhân vật trong truyện. Tiếp nhận, chiêm nghiệm qua những câu văn sử dụng bằng ngôn ngữ tự nhiên, cụ thể và dễ hình dung. Nhà lý luận văn học Pháp Roland Barthes từng nói: *“Văn học bắt đầu nơi mà ngôn ngữ trở thành một vấn đề”*. Khi ngôn ngữ không chỉ còn là phương tiện truyền đạt thông tin mà nó là nơi thể hiện cái nhìn, sự dẫn dắt, tìm kiếm của nhà văn thì khi đó văn học mới thực sự khởi nguồn. Vậy nên nhà văn Nguyễn Tuân từng khẳng định rằng: *“Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo. Không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay... Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy, nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thích. Có vốn mà không biết sử dụng thì chỉ*

như nhà giàu giữ cửa. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp” [20].

2.4.1. Ngôn ngữ gần gũi, tự nhiên

Nhà văn Nga M.Gorki từng nói: *“Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích. Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa... Hãy đi sâu vào những tác phẩm của nhân dân, nó trong lành như nguồn nước ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra”* [20]. M.Gorki đã ca ngợi ngôn ngữ bình dân và văn học dân gian như một kho tàng vẻ đẹp và sức mạnh đích thực. Ông nhấn mạnh sự phong phú của hình tượng, sự giản dị nhưng say đắm lòng người, cùng với những định nghĩa tuyệt vời giúp cho tác phẩm trở nên sống động, tự nhiên, gần gũi với người đọc.

Ngôn ngữ trong các VB truyện thuộc chương trình SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) vô cùng tự nhiên, cụ thể và dễ hình dung. Từ ngữ được sử dụng trong các VB thường là các từ ngữ đơn giản, gần gũi với HS diễn tả sự vật, sự việc một cách trực tiếp, cụ thể, dễ hiểu.

Tuổi thơ là nơi cất giữ những kí ức tươi đẹp của mọi thế hệ, tác giả Nguyễn Nhật Ánh từng viết: *“Khi lần đầu đón nhận nỗi buồn, tôi hiểu rằng tuổi thơ của mình đã hết”* [19]. Vậy tuổi thơ là gì? Tuổi thơ là khoảng thời gian khi ta còn bé đến tuổi thiếu niên, nó là điểm tựa để ta nhớ về và quên đi những nỗi lo âu. Ngoài ra, nó còn là liều thuốc tinh thần giúp ta phấn đấu, có niềm tin vững bước trên con đường của bản thân.

Tuổi thơ của mỗi người chắc hẳn đều có một chỗ gọi là chốn quen thuộc ngày nhỏ. VB *“Cánh đồng hoa”* của Lê Anh Vinh, Bùi Thị Diễm là kỉ niệm của các nhân vật trên một đồng cỏ tươi đẹp. Khi chúng kiến nơi được gọi là kỉ niệm của tuổi thơ sắp bị ô nhiễm, Mư Nhơ thờ dài *“Cứ thế này, đồng cỏ sẽ thành bãi rác mất thôi!”* [1, tr.13]. Đồng cỏ mà mình thường xuyên vui chơi giờ đây sắp không còn *“Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi!”* [1, tr.13]

người đọc hình dung được nhân vật rất trân trọng, yêu quý nơi chốn này. Một câu hỏi ngắn *“Biết làm thế nào bây giờ”* [1, tr.13] mang tâm trạng bối rối, quen thuộc trong lời nói hàng ngày. Câu văn *“Chúng ta sẽ biến nơi đây thành cánh đồng hoa”* [1, tr.14] là một lời tuyên bố rất mạnh mẽ và mang tính quyết định. Việc sử dụng từ “sẽ” thể hiện ý chí, sự quyết tâm cao độ của Mur Hoa và cả nhóm. Mur Hoa đã đưa ra một lý lẽ rất thuyết phục, sau đó: *“Mọi người không nỡ lấy cánh đồng đẹp làm chỗ đổ rác đâu”* [1, tr.14], câu tuyên bố không chỉ là hành động nhất thời mà là một chiến lược dài hạn để ngăn chặn việc đổ rác trở lại của cả nhóm.

VB *“Bộ sưu tập độc đáo”* của Trường Chi Lộ, Ngọc Khánh đã khắc họa thành công không khí rộn ràng, vui tươi trước Tết của lớp học; đồng thời ca ngợi giá trị của tình bạn, những kỉ niệm sắp chia xa. Khi thầy giáo muốn cả lớp thực hiện sưu tầm một món đồ, các bạn trong lớp thể hiện thái độ rất hào hứng *“Cả lớp ồ lên. Long cười rất “oách” vì cậu ấy là “vua” tem trong lớp. Khánh cũng đặc ý vì cậu ấy chuyên sưu tầm kẹp sách. Còn Loan hơi lo vì chưa biết sưu tầm gì”* [2, tr.36]. Về nhà, Loan cứ nghĩ *“Sưu tầm cái gì thật ý nghĩa được nhỉ?”* [2, tr.36] cho thấy Loan không chỉ muốn hoàn thành nhiệm vụ mà còn muốn món quà ấy phải thật ý nghĩa. Với câu đề nghị, mời gọi bạn bè rất thân thiết *“Cậu nói một câu chúc lớp mình đi!”* [2, tr.36], câu hỏi đáp đơn giản trong giao tiếp *“Chúc gì được chứ?”* [2, tr.36]. Người đọc hình dung được cuộc trò chuyện hết sức tự nhiên trong môi trường học đường và sự dễ thương, hồn nhiên của các nhân vật. Chỉ với một câu cảm thán mộc mạc *“Độc đáo quá, ý nghĩa quá!”* [2, tr.37], tác giả đã cô đọng trọn vẹn sự bùng nổ của cảm xúc. Ngôn ngữ giản dị nhưng truyền tải được sự ngưỡng mộ và khuyến khích của thầy giáo dành cho HS .

Tình yêu thương, sự tận tụy của cô giáo dành cho HS chính là phương pháp giáo dục tốt nhất. VB *“Hộp quà màu thiên thanh”* của Nguyễn Thu Hằng [2, tr.22] là câu chuyện ca ngợi tình cảm gắn bó, sự quan tâm, tận tụy của cô giáo và lòng kính trọng, biết ơn của học trò đối với thầy cô. Tác giả đã sử dụng các câu văn sinh hoạt hết sức đời thường như: *“Cậu nhớ viết nhé!”*

[2, tr.22], “*Cậu viết gì gửi cô đây?*” , “*Thư gửi cô, tớ phải giữ bí mật chứ!*” , “*Chúng em gửi cô hết ở trong này, cô về đọc nhé!*” [2, tr.23] cho thấy được mối quan hệ giữa cô giáo và HS, giữa HS và HS rất thân thiết, đầy sự yêu thương, thể hiện truyền thống quý báu của dân tộc ta đó là tôn sư trọng đạo.

Có thể nói, ngôn ngữ của các VB truyện trong chương trình Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) đã đáp ứng được yêu cầu về mặt ngữ liệu theo chương trình giáo dục phổ thông tổng thể 2018 đó là ngôn ngữ tự nhiên, cụ thể, dễ hình dung. Điều này cũng vô cùng phù hợp đối với đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 5, giúp HS có thể dễ dàng tiếp cận với kiến thức. Ngôn ngữ cụ thể giúp HS tưởng tượng hình ảnh một cách dễ dàng, từ đó hiểu và nhớ bài học được lâu hơn. Trong quá trình dạy học môn Tiếng Việt, GV khai thác các đặc điểm này của VB đọc sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Việt lớp 5.

2.4.2. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, âm thanh

Sở dĩ hầu hết các VB truyện ngắn ở chương trình SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) có đặc điểm chung về ngôn ngữ là giàu hình ảnh, âm thanh bởi nó phù hợp với đặc điểm tư duy và nhận thức của HS, đặc biệt là đối với HS cuối cấp Tiểu học nói chung, HS lớp 5 nói riêng. HS Tiểu học ở giai đoạn này đã có trí tưởng tượng vô cùng phong phú, dồi dào. Vì thế những VB truyện ngắn với ngôn ngữ giàu hình ảnh, âm thanh sẽ giúp HS hứng thú hơn đối với bài học. Việc sử dụng các từ ngữ ấy sẽ giúp các em có thể phát huy được trí tưởng tượng phong phú của mình. Để có được đặc điểm này, các VB truyện thường sử dụng các từ tượng hình, từ tượng thanh, từ láy, động từ chỉ trạng thái, tính từ chỉ màu sắc...

M. Gorki từng chia sẻ: “*Nhà văn không chỉ viết bằng ngòi bút mà còn vẽ bằng từ ngữ thể hiện một cách hoàn hảo những tư tưởng của tác giả, xây dựng một bức tranh đậm đà, đắp nên những hình tượng sinh động, có sức thuyết phục đến nỗi người đọc trông thấy được những điều mà tác giả mô tả*” [19]. Ngôn ngữ giàu hình ảnh (hay còn gọi là ngôn ngữ hình tượng) là cách sử dụng ngôn từ để tạo ra những hình ảnh sống động, cụ thể, có sức gợi hình, gợi

cảm trong tâm trí người đọc hoặc người nghe. Thay vì chỉ nói trực tiếp, người viết hoặc người nói sử dụng các biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, so sánh, tượng trưng... để khiến ngôn ngữ trở nên sinh động, giàu cảm xúc và dễ liên tưởng hơn.

Việc rèn luyện cho HS sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình học tập môn Tiếng Việt. Thứ nhất, nó giúp nâng cao hiệu quả giao tiếp, HS biết cách diễn đạt rõ ràng, sinh động, thuyết phục và hấp dẫn hơn. Thứ hai, nó khơi dậy và phát triển trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo những năng lực nền tảng không chỉ trong học tập ngôn ngữ mà còn trong toàn bộ hoạt động học tập và phát triển nhân cách. Thứ ba, ngôn ngữ giàu hình ảnh góp phần nuôi dưỡng tâm hồn, tình yêu thiên nhiên, con người và cuộc sống những gì trị cốt lõi trong giáo dục Tiểu học.

VB *“Xin chào, Xa-ha-ra”* của tác giả Di Li không chỉ là một chuyến đi địa lí mà còn là một cuộc phiêu lưu đầy cảm xúc. Choáng ngợp trước khung cảnh *“giống như sao Hỏa”*, sự khắc nghiệt của nắng nóng và lạnh giá, và trên hết là cảm giác nhỏ bé, hòa mình vào sự vĩnh cửu của cát bụi, biến giấc mơ hoang vu nhất thành hiện thực chạm tay. Trước hết, tác giả sử dụng các từ láy *“lộm cộm”*, *“mỏng manh”* trong câu *“Cát của nó lộm cộm dưới đế giày. Cát sa mạc mịn như bột và mỏng manh như gió bụi, không to như cát Phan Thiết hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn”* [1, tr.76] để diễn tả cảm giác của người lữ hành khi đế giày dẫm lên cát sa mạc; gợi lên sự nhỏ bé, yếu ớt của hạt cát trước không gian bao la của sa mạc và sức mạnh của gió. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ để so sánh cát ở sa mạc *“mịn”* như *“bột”*, *“mỏng manh”* như *“gió bụi”*, *“không to”* như *“cát Phan Thiết”* hay *“ẩm ướt”* như *“cát Sầm Sơn”*, người đọc hình dung được kết cấu và tính chất của những hạt cát. Từ đó, tăng tính chân thực và cảm giác xúc giác cho đoạn văn.

“Bến sông tuổi thơ” của tác giả Lê Văn Trường [2, tr.23] không chỉ là một bài văn miêu tả khung cảnh con sông ở quê mà còn là nơi để tác giả gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình. Bằng việc sử dụng từ láy *“êm đềm”*, *“lững lờ”*, *“nghiêng nghiêng”* tác giả đã giúp người đọc tưởng tượng ra con sông

yên ả, thanh bình “*Từ khi sinh ra và lớn lên, tôi đã thấy trước nhà có một dòng sông êm đềm lững lờ con nước, có hàng bần xanh soi bóng nghiêng nghiêng...*” [2, tr.23]. Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa kết hợp với các từ láy “*chiều chiều*”, “*man mác*”, “*tim tím*”; các từ ngữ gợi tả “*nở xòe*”, “*cuốn trôi*” làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn. Người đọc dễ dàng hình dung được màu sắc; cảm nhận được sự quen thuộc, lặp đi lặp lại của không gian. Khi đọc VB, ta có thể tưởng tượng được cánh hoa như hình ảnh con người đang thi nhau bơi theo dòng nước “*Chiều chiều, gió từ phía sông thổi về man mác, những bông hoa bần tim tím nở xòe, từng cánh hoa thi nhau rơi xuống rồi cuốn trôi theo dòng nước*” [2, tr.23]. Hành động “*thi nhau*” của cánh hoa không còn là hiện tượng vật lý đơn thuần mà nó trở nên có sức sống, như một trò chơi nhẹ nhàng, duyên dáng, sinh động. Không những vậy, tác giả còn sử dụng các từ tượng thanh như “*hít hà*”, “*rớt tòm*” khiến cho người đọc không chỉ gọi cảm giác vật lý mà còn tưởng tượng, cảm giác được nó. “*Bến sông tuổi thơ*” là một đoạn văn tả cảnh giàu tính hình tượng, cảm xúc và gợi cảm nó thể hiện rõ ngôn ngữ giàu hình ảnh. Qua những trải nghiệm dân dã, tác giả không chỉ vẽ nên bức tranh quê hương mà còn khơi dậy tình cảm và trí tưởng tượng của người đọc.

VB “*Kì diệu rừng xanh*” của Nguyễn Phan Hách đã đưa người đọc bước vào thế giới kì ảo và đầy sắc màu. Nhà văn đã dùng các từ ngữ giàu hình ảnh, giàu âm thanh, người đọc có thể tưởng tượng như mình đang bước vào thế giới tuyệt mỹ. Từ láy “*sặc sỡ*” trong câu văn “*Những chiếc nấm to bằng cái ấm tích, màu sặc sỡ rực lên. Mỗi chiếc nấm là một lâu đài kiến trúc tân kì*” [2, tr.51] gợi tả màu sắc của những chiếc nấm đa dạng, phong phú, tươi tắn và nổi bật. Tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ để so sánh kích thước của “*chiếc nấm*” với “*cái ấm tích*”, giúp người đọc hình dung rõ ràng và cụ thể về độ lớn bất thường của chiếc nấm. Trong câu “*Chúng tôi đi đến đâu, rừng rào rào chuyển động đến đấy*” [2, tr.51] sử dụng từ láy tượng thanh “*rào rào*” để mô phỏng lại âm thanh của khu rừng, sự chuyển động mạnh làm cho khung cảnh trở nên sống động, giúp câu văn trở nên giàu hình ảnh và âm

thanh. Không những vậy, người cầm bút còn tưởng tượng mình là người không lồ *“Tôi có cảm giác mình là một người khổng lồ đi lạc vào kinh đô của vương quốc những người tí hon”* [2, tr.51]. Khi miêu tả lại hành trình đi vào *“rừng khộp”*, nhà văn đã sử dụng các từ láy *“len lách”*, *“mải miết”*, *“thưa thớt”* để gợi tả cảnh vật khu rừng. Người đọc hình dung được sự tập trung cao độ của những con người đang đi vào rừng, phải đi luôn lách, khó khăn qua những nơi chật hẹp, rậm rạp mới đến được khung cảnh cuối cùng *“Sau một hồi len lách mải miết, rẽ bụi rậm, chúng tôi nhìn thấy một bãi cây thưa thớt”* [2, tr.51]. Phải là một người yêu thiên nhiên thì Nguyễn Phan Hách mới có thể sử dụng những từ ngữ tự nhiên nhưng lại giàu hình ảnh, giàu âm thanh đến như vậy. Qua VB, tác giả đã sử dụng những từ ngữ giàu hình ảnh để miêu tả một khu rừng đầy màu sắc, khiến người đọc hình dung, tưởng tượng khu rừng ấy như một thế giới thần bí.

“Tiếng hát của người đá” theo truyện cổ Việt Nam [2, tr.8] nói về người chiến sĩ đã hi sinh, nhưng tiếng hát của anh vẫn vang vọng, tha thiết như thể anh vẫn còn sống mãi giữa đất trời, trong lòng nhân dân. Theo tác giả Ngọc Anh và Văn Lang những hạt mưa có thể tắm gội, sưởi ấm cho đá; gió có thể kể chuyện; chim có thể hát cho đá nghe *“Gió rì rào kể cho mồm đá nghe những câu chuyện về mọi miền. Chim hát cho mồm đá nghe những điệu ca du dương”* [2, tr.8]. Tác giả đã sử dụng từ láy *“rì rào”* kết hợp biện pháp nhân hóa hình ảnh Nai Ngọc để làm nổi bật sức mạnh của hòa bình. Với ngôn ngữ giàu hình ảnh, người đọc hình dung hình ảnh mồm đá giống như một em bé - Nai Ngọc *“Một buổi sáng, mồm đá khe cựa quậy, rồi từ từ biến thành một em bé xinh đẹp”* [2, tr.8]. Bằng việc sử dụng biện pháp nhân hóa, tác giả đã biến giọng hát của Nai Ngọc như một phép thuật thần thông có thể khiến cho muông thú nhảy múa theo tiếng hát, có thể khiến giặc ngoại xâm đứng sững như những pho tượng *“Giọng hát của Nai Ngọc khiến giặc đứng sững như những pho tượng, vũ khí tuột khỏi tay”* [2, tr.8]. Tiếng hát ấy đã thức tỉnh lương tâm của những con người đang tàn công, muốn cướp đi cuộc sống hòa bình vốn có của người dân.

Như vậy có thể nói, không chỉ đặc điểm về tính giàu hình ảnh giúp bài văn trở nên hấp dẫn mà đặc điểm về tính giàu âm thanh cũng là yếu tố không thể thiếu để tạo nên cái hay, cái đẹp và sự cuốn hút của các VB truyện trong chương trình Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS). Để câu văn được trở nên sinh động, lôi cuốn người học cần phải có các từ láy tượng hình, tượng thanh hay các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa. Việc sử dụng ngôn ngữ giàu sức biểu cảm góp phần nâng cao hiệu quả tiếp nhận và phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS. Trước hết, hình ảnh giúp các em dễ hình dung sự vật, hiện tượng làm cho bài văn trở nên sinh động, gần gũi với HS, đặc biệt là HS lớp 5. Âm thanh giúp gợi cảm xúc, cảm thụ VB tốt hơn. Nhờ sự kết hợp này, các em không chỉ hứng thú hơn với bài học mà còn rèn được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách tự nhiên.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong chương này, chúng tôi đã tìm hiểu đặc điểm về cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, giọng điệu, ngôn ngữ truyện. Trước hết, muốn HS hiểu bài, nắm bắt nội dung một cách nhanh nhất cần phải có cốt truyện đơn giản, dễ hiểu. Khi các sự việc được sắp xếp rõ ràng, mạch lạc các em sẽ dễ theo dõi mạch truyện, biết được chuyện gì xảy ra, từ đầu đến cuối ra sao. Nhờ đó, việc đọc hiểu trở nên nhẹ nhàng hơn, HS sẽ cảm thấy hứng thú với văn học, phát triển được khả năng tư duy và logic khi kể lại câu chuyện. Nghệ thuật xây dựng nhân vật giúp cho HS hình thành nhân cách, giá trị sống, không chỉ làm sinh động tác phẩm mà còn là “*cầu nối*” giúp HS thấm thía bài học nhân văn, nâng cao năng lực tư duy, cảm xúc và hoàn thiện nhân cách. Giọng điệu thủ thi, thân tình khiến cho lời văn trở nên gần gũi, thân thiết với HS hơn, nó cũng là một phương pháp dạy hữu dụng của GV. Ngôn ngữ gần gũi, tự nhiên nhưng cũng giàu sức biểu cảm về hình ảnh và âm thanh giúp HS phát triển trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo, nuôi dưỡng tâm hồn, tình yêu thiên nhiên, con người và cuộc sống là những giá trị cốt lõi trong giáo dục Tiểu học. Nhờ những sự kết hợp này, các em không chỉ hứng thú hơn với bài học mà còn rèn được các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết một cách tự nhiên.

Những đặc điểm trên đã tạo nên một thế giới nghệ thuật vừa đặc sắc, hấp dẫn lại vô cùng thân thuộc, dễ nhớ, dễ hiểu và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 5. Đặc điểm về nghệ thuật của các VB truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) giúp các em dễ dàng tiếp thu, lĩnh hội thông tin, tri thức cũng như những bài học sâu sắc, ý nghĩa ẩn chứa sau mỗi VB đọc. Từ đó, HS sẽ hình thành được các kỹ năng đọc hiểu, luyện viết, luyện từ và câu.

KẾT LUẬN

Trong đề tài, chúng tôi khảo sát, phân tích đặc điểm nội dung và nghệ thuật của 24 VB truyện và được trải đều 8 chủ đề trong SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS), chúng tôi nhận thấy: Các VB đã khái quát được nhiều lĩnh vực trong đời sống, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới giúp các em mở rộng vốn từ trong giao tiếp, mở rộng hiểu biết về thế giới xung quanh. Nội dung các VB tạo thành một mạch xuyên suốt 8 chủ đề là: trở về với thế giới tuổi thơ; khám phá thiên nhiên kì thú; trên con đường học tập; đặc sắc của nghệ thuật; muôn màu muôn vẻ của cuộc sống; vẻ đẹp của các miền trên đất nước Việt Nam; biết ơn và noi theo thế hệ đi trước; vẻ đẹp thế giới quanh ta. Mỗi chủ đề cung cấp cho HS một lĩnh vực, vì vậy việc khai thác đặc điểm của các VB trong quá trình dạy học sẽ giúp học mở rộng phạm vi hiểu biết của mình ra thế giới bên ngoài.

Về đặc điểm nghệ thuật, các VB truyện trong SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS) có sự đa dạng, phong phú về cốt truyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, giọng điệu, ngôn ngữ truyện. Cách xây dựng cốt truyện đơn giản, dễ hiểu và cốt truyện theo tuyến tính sẽ giúp cho HS Tiểu học khi tiếp cận sẽ dễ dàng hơn và bước đầu hình thành cho các em niềm đam mê văn học. Nhân vật gần gũi, đáng yêu và nhân vật tâm hồn hồn nhiên, trong sáng khiến các em có những ấn tượng với các nhân vật trong VB. Giọng điệu thủ thỉ, thân tình, ngây thơ, hồn nhiên cũng góp phần tạo nên hấp dẫn và sinh động của VB. Ngôn ngữ truyện gần gũi, tự nhiên và giàu sức hình ảnh, âm thanh hỗ trợ các em trong giao tiếp biết cách sử dụng ngôn ngữ linh hoạt và rèn bốn kĩ năng cơ bản đọc, viết, nói và nghe.

Để đáp ứng yêu cầu dạy học khi Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện chương trình SGK mới, chúng tôi đã triển khai nghiên cứu đề tài khoa học: “*Đặc điểm VB truyện trong SGK Tiếng Việt Tiểu học (Bộ sách KNTTVCS)*”. Với những kết quả nghiên cứu đạt được, đề tài sẽ là nguồn tài liệu tham khảo cho sinh viên đang học ngành Giáo dục Tiểu học trong quá trình rèn nghề và giáo viên Tiểu học khi giảng dạy chương trình SGK Tiếng Việt lớp 5 (Bộ sách KNTTVCS).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Mạnh Hùng (2024), SGK Tiếng Việt lớp 5, tập một, Bộ sách KNTTVCS, NXB Giáo dục Việt Nam.
2. Bùi Mạnh Hùng (2024), SGK Tiếng Việt lớp 5, tập hai, Bộ sách KNTTVCS, NXB Giáo dục Việt Nam.
3. Cao Đức Tiến, Dương Thị Hương (2007), *Văn học - Giáo trình đào tạo giáo viên tiểu học hệ Cao đẳng Sư phạm*, NXB Đại học sư phạm.
4. Cao Ngọc Anh (2023), Giá trị nội dung và nghệ thuật của các *VB truyện trong SGK Tiếng Việt 3 (Bộ sách KNTTVCS)*, Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, trường Đại học Hoa Lư.
5. Dương Thị Hương (2009), *Giáo trình cảm thụ văn học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
6. Đỗ Ngọc Thống (2023), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
7. Hà Việt Hoàng (2021), *Đặc điểm truyện đọc Tiểu học*, KLTN sinh viên, trường Đại học Hoa Lư.
8. Hoài Thanh (1936), *Văn chương và hành động*, NXB Phương Đông.
9. Hoàng Thị Hồng Phương (2018), “*Văn học nước ngoài trong chương trình tiếng Việt ở tiểu học và ý nghĩa đối với học sinh*”, Tạp chí giáo dục 2022, Số xuất bản 6, trang 1-7.
10. Lã Thị Bắc Lý (2015), *Giáo trình Văn học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.
11. Lại Nguyên Ân (2016), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Văn học.
12. Lê Bá Hán và cộng sự (1991), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
13. Lê Bá Hán và cộng sự (1992), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
14. Nguyễn Ngọc (1987), Bài báo “*Cần phát huy đầy đủ chức năng xã hội của văn học nghệ thuật*”, Báo văn nghệ số 31/10/1987.
15. Phạm Tiến Nam (2022). *Đặc điểm VB đọc trong SGK Tiếng Việt lớp 2 (Bộ sách KNTTVCS)*, Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, trường Đại học Hoa Lư.

16. Trần Đức Ngôn (1994), *Văn học thiếu nhi Việt Nam*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
17. Trần Thị Lan Anh (2022), *Giá trị nội dung và nghệ thuật của những truyện hay viết cho thiếu nhi - Phạm Hồ*, Khóa luận tốt nghiệp đại học 2022, Chuyên ngành Giáo dục mầm non, trường Đại học Hoa Lư.
18. Vũ Thị Thanh Xuân (2024), *Tìm hiểu các biện pháp tu từ trong văn bản thơ của SGK Tiếng Việt Tiểu học (Bộ sách KNTTVCS)*, Đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên, trường Đại học Hoa Lư.

WEBSITE

19. Trích dẫn hay trong những cuốn sách của Nguyễn Nhật Ánh (Phần 1), <Butbi.hocmai.vn>, ngày truy cập: 11/10/2025.
20. Lí luận văn học, <<https://lophocnguvan.com>>, ngày truy cập: 11/10/2025.
21. Nhân vật và cốt truyện trong truyện ngắn Kim Lân. (Luận văn ThS. Văn học), <<https://123docz.net/trich-doan/903017-cot-truyen-tuyen-tinh.html>>, ngày truy cập: 13/10/2025.

PHỤ LỤC

SST	Chủ đề	Tên tác phẩm	Tác giả
1	Thế giới tuổi thơ	Thanh âm của gió	Văn Thành Lê
		Cánh đồng hoa	Lê Anh Vinh-Bùi Thị Diễm
		Bến sông tuổi thơ	Lê Văn Trường
		Ngôi sao sân cỏ	Lê Khắc Hoan
		Bộ sưu tập độc đáo	Trương Chi Lộ, Ngọc Khánh dịch
		Hành tinh kì lạ	Viết Linh
2	Thiên nhiên kì thú	Kì diệu rừng xanh	Nguyễn Phan Hách
		Bài ca về mặt trời	Nguyễn Trọng Tạo
		Xin chào, Xa-ha-ra	Di-li
3	Trên con đường học tập	Trải nghiệm để sáng tạo	Phan Thế Quân
		Khổ luyện thành tài	Theo 101 câu chuyện HS cần đọc giúp các em trở thành nhà khoa học tương lai
		Từ những chuyện ấu thơ	Nguyễn Nhật Ánh
		Tinh thần học tập của nhà Phi-lít	Trương Cần
4	Nghệ thuật muôn màu	Trí tưởng tượng phong phú	Dun Dơ-rim
		Tập hát quan họ	Nguyễn Phan Hách
		Sự tích chú Tễu	Trần Quốc Toàn
5	Vẻ đẹp cuộc	Tiếng hát của người đá	Truyện Cổ Việt Nam

	sống	Hộp quà thiên thanh	Nguyễn Thu Hằng
		Giỏ hoa tháng Năm	Minh Hương
		Khu rừng của Mát	Lô Trân Trân
6	Hương sắc trăm miền	Những búp chè trên cây cổ thụ	Nguyễn Hương
		Xuồng ba lá quê tôi	Nguyễn Chí Ngoan
7	Tiếp bước cha ông	Người thầy của muôn đời	Hà Ân
8	Thế giới của chúng ta	Những con hạc giấy	Những Mẫu Chuyện Lịch Sử Thế Giới